

*Nu
P. b. ch. d. cabinet*

lần thứ nhất.

Giá : 0 \$ 50

8°
INDO-CHINOIS
315

行 有 百 行
SĨ-HỮU-BÁ-HẠNH

MÔNG-ƠN

NHÀ-NƯỚC PHỤ HỘI ĐUỘT RỒI,
đã nạp-dụng cho các trường học dùng.

Quan Toàn-quyền Đông-pháp cho hội khảo duột đầu nữa và có truyền lệnh cho
phép in bán các trường nam, chiếu theo lời nghị ngày 22 Janvier 1924
(cấm in bài sách này)

COURS DE MORALE

À L'USAGE DES ÉCOLIERS ANNAMITES

100 LEÇONS :

54 leçons de lecture (đọc thuộc lòng 54 bài thơ tám);
46 leçons de récitation (46 bài nói tắt).

PAR

陳 豐 色

TRẦN-PHONG-SẮC

Professeur de Morale à l'École Primaire de Tân n.

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 4360

Sách này y theo chữ Tự-vị. Trừ hồi ngữ thông dụng.

INSCRIT SUR LA LISTE DES PUBLICATIONS ET OUVRAGES AUTORISÉS
(Arrêté de M. le Gouverneur Général de l'Indochine
en date du 22 Janvier 1924.)

TOUS DROITS RÉSERVÉS. — CẤM IN BÀI TRONG SÁCH NÀY

ÉDITÉ

PAR

IMPRIMERIE DE L'UNION NGUYỄN VĂN-CỬA

157, RUE CATINAT, 157 — SAIGON

1925

Thơ Nhị-thập-tứ-chuyên (chép lại).

- A. — Ban ơn, thưởng báo đền, sơ lược.
- B. — Chọn sách, cần trò học, đạo nho.
- C. — Quan duyet, tướng công nên, xuống phước.
- D. — Trọn nhờ, ân cả đọc, nhiều pho.

CÁCH ĐỌC :

1° a, b, c, d, đọc xuôi. — 2° c, d, a, b, đọc xuôi. — 3° b, a, d, c, đọc ngược. — 4° d, c, b, a, đọc ngược. — 5° a, b, c, d, đọc ngược. — 6° c, d, a, b, đọc ngược. — 7° b, a, d, c, đọc xuôi. — 8° d, c, b, a, đọc xuôi.

Rồi bỏ 2 chữ đầu còn mỗi câu 5 chữ, cũng đọc 8 bận như vậy.

Rốt bỏ mỗi câu 2 chữ đuôi, cũng còn 5 chữ, đọc 8 bận như vậy, cong 24 bài.

- 1° a, b, c, d đọc xuôi
- 2° c, d, a, b —
- 3° b, a, d, c đọc ngược
- 4° d, c, b, a —
- 5° a, b, c, d —
- 6° c, d, a, b —
- 7° b, a, d, c đọc xuôi
- 8° d, c, b, a —

Các bài Thập-nhi-chuyên nếu viết một hàng 14 chữ (hai câu nhập một) thì đọc thành nhị-thập-tứ-chuyên.

Bài bên sách Ấu-viên-tất-đọc nếu viết kiểu này cũng thành 24 bài.

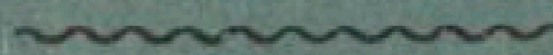
1° a, b, c, d, đọc xuôi. — 2° c, d, a, b, đọc xuôi — 3° b, a, d, c, đọc ngược. — 4° d, c, b, a, đọc ngược. — 5° a, b, c, d, đọc ngược. — 6° c, d, a, b, đọc ngược. — 7° b, a, d, c, đọc xuôi. — 8° d, c, b, a, đọc xuôi.

Hai bài ngũ ngôn kia, cũng đọc 8 lần như vậy.

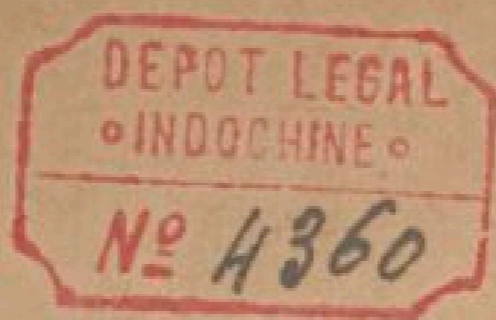
Hai bài ngũ ngôn, xin biên dưới đây :

- A. — Ban ơn thưởng báo đền.
- B. — Chọn sách cần trò học.
- C. — Quan duyet tướng công nên.
- D. — Trọn nhờ ân cả đọc.

- A. — Thưởng báo đền sơ lược.
- B. — Cần trò học đạo nho.
- C. — Tướng công nên xuống phước.
- D. — Ơn cả đọc nhiều pho.



In lần thứ nhất.



Giá : 0 \$ 50.

行 有 百 行
SĨ-HỮU-BÁ-HẠNH

MÔNG ĐƠN
NHÀ-NƯỚC PHỤ HỢI DUỢT RỒI,
đã nạp-dụng cho các trường học dùng.

Quan Toàn-quyền Đông-pháp cho hội khảo duyệt đầu nữa và có truyền lệnh cho
phép in bán các trường nam, chiếu theo lời nghị ngày 22 Janvier 1924
(cấm in bài sách này)

COURS DE MORALE

À L'USAGE DES ÉCOLIERS ANNAMITES

100 LEÇONS :

54 leçons de lecture (đọc thuộc lòng 54 bài thơ tám);
46 leçons de récitation (46 bài nói tắt).

PAR

陳 豐 色

TRẦN-PHONG-SẮC

Professeur de Morale à l'École Primaire de Tân-an.

Sách này y theo chữ Tự-vị. Trừ hỏi ngã thông dụng!

INSCRIT SUR LA LISTE DES PUBLICATIONS ET OUVRAGES AUTORISÉS
(Arrêté de M. le Gouverneur Général de l'Indochine
en date du 22 Janvier 1924.)

TOUS DROITS RÉSERVÉS. — CẤM IN BÀI TRONG SÁCH NÀY

ÉDITÉ

PAR

IMPRIMERIE DE L'UNION NGUYỄN-VĂN-CỬA

157, RUE CATINAT, 157 — SAIGON

1925

8° Ind-Ch.
315

03 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

01 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

02 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

03 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

04 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

05 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

06 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

07 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

08 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

TỰ' A

Sĩ-bá-hạnh, lời xưa hằng có,
Giải trăm điều, sách trước vốn không.
Trộm tri-thiên ta phải ra công ;
Rảnh trống đồ, lựa từ chương từ bực.
Cầu cách vật, đây còn rần sức ;
Thương máy xanh, khuyên đủ nét đủ điều.
Từ tuổi thơ, tới trọng mọi đều,
Kể lúc tráng, đến già các thể.
In đôi quyển, để dạy trai rất dễ.
Mua ít tiền, mà cho trẻ dạng nên.
Vệ-sanh bản một (31) cách, giữ nên,
Xử-thể một trăm (100) bài, sửa nét.
Tuy trẻ dốt, Sử Kinh không hiểu hết ;
Quốc-ngữ thông, xem sách ấy cũng đủ rồi.
Nếu trò hay, thi phú đã làm xuôi ;
Văn-minh rạng, phụ bỗ này càng quý nữa.
Trăm chữ tốt, ở đời đủ lựa.
Các bài thi, tóm ý khỏi quên.
Đưa lỗ hư, sửa lại dạng nên.
Trò còn thiếu, học thêm cũng đủ.
Cách dạy tắt, cho thông thời-vụ.
Ý truyền sâu, dạng hiểu vệ-sanh.
Trò-thơ dùng cuốn nhưt học hành,
Trai-lớn đọc quyển nhi thông hiểu.

Thơ rằng :

Trần môn gia-huấn dám khuyên cùng,
Phong kiệm theo thời, giữ đạo trung,
Sắc-sảo hạnh trai trăm nét đủ,
Trước khuyên sĩ-tử vệ-sanh chung.
TRẦN-PHONG-SẮC đề.

Đặt sách lao tâm dạy học-sinh,
Nhờ ơn khảo-giáo lấy công bình,
Vệ-sinh sửa nét con em hiểu,
Cám đức tài-bồi tỏ chữ minh.

Hàn nho tái bài.

Thư quan Đốc-học-chánh Saigon cho hay :

N° 140

Saigon, le 2 Février 1924.

MONSIEUR TRẦN-PHONG-SẮC,
Professeur de caractères chinois,
Tanan.

J'ai l'honneur de vous informer que par arrêté de Monsieur le Gouverneur général, en date du 22 janvier 1924, vos ouvrages intitulés « *Ấu-viên-tất-độc* » et « *Sĩ-hữu-bá-hạnh 1^{er}* » ont été inscrits sur la liste des publications et ouvrages autorisés.

Le Directeur de l'Enseignement primaire,

Signé : **PRÊTRE.**

Dịch ra chữ Quốc-ngữ :

MONSIEUR TRẦN-PHONG-SẮC,
Thầy-giáo trường Tân-an.

Tôi kính cho thầy hay rằng : vì lời nghị của quan Tổng - thống toàn - quyền Đông - Pháp , đề ngày 22 tháng giêng tây 1924 rằng : những hiệu sách của thầy xin khảo duyệt : « *Ấu-viên-tất-độc* » và sách « *Sĩ-hữu-bá-hạnh 1^{er}* » đã đem vào sổ, được phép ấn hành.

Quan Đốc-học-Chánh,

Ký tên : **PRÊTRE.**

Và hội duyệt khảo hai thứ sách tôi đó, lấy đầu dạy trường nam, là *Sĩ-hữu-bá-hạnh*. Dạy trường nữ là *Ấu-viên-tất-độc*, ngày 18 octobre 1923.

LỜI DẶN :

Các trò phải biết, Nhà-nước lập các nhà trường cho các trò học, những trò đầu thời giúp việc Nhà-nước. Còn không đầu, cũng biết lễ-nghi phong-hóa mà ở đời cho khỏi tội lỗi, nên để giờ dạy morale mà giảng dạy cang-thường-luân-lý. Vậy các trò phải rán mà học sách này. Đầu đầu hay rớt đều có-ích cả.

士有百行目錄

SĨ HỮU BÁ HÀNH MỤC LỤC

CUỐN NHỨT (về học trò trai học).

- | | |
|---|---|
| 1 ^e 養 <i>Dưỡng</i> : Nuôi mình (Nết ăn). | 23 ^e 厚 <i>Hậu</i> : Có hậu (Nết thương). |
| 2 ^e 量 <i>Lượng</i> : Vừa sức (Nết uống). | 24 ^e 耿 <i>Cảnh</i> : Thẳng (Nết ghét). |
| 3 ^e 進 <i>Tấn</i> : Tới (Nết đi). | 25 ^e 決 <i>Quyết</i> : Nứt định (Nết muốn). |
| 4 ^e 重 <i>Trọng</i> : Vững-vàng (Nết đứng). | 26 ^e 防 <i>Phòng</i> : Ngừa (Nết sợ). |
| 5 ^e 端 <i>Đoan</i> : Ngay (Nết ngồi). | 27 ^e 明 <i>Minh</i> : Sáng (Nết ngó coi). |
| 6 ^e 息 <i>Tức</i> : Nghĩ (Nết nằm). | 28 ^e 聰 <i>Thông</i> : Tỏ tai (Nết nghe). |
| 7 ^e 靜 <i>Tĩnh</i> : Lặng (Nết ngủ). | 29 ^e 香 <i>Hương</i> : Thơm (Nết hửi). |
| 8 ^e 莊 <i>Trang</i> : Tề chỉnh (Nết mặc). | 30 ^e 守 <i>Thủ</i> : Giữ (Nết cầm, bưng). |
| 9 ^e 新 <i>Tân</i> : Mới (Nết rửa). | 31 ^e 動 <i>Động</i> : Chuyển động (Nết chạy). |
| 10 ^e 舒 <i>Thơ</i> : Xả hơi (Nết gỡ). | 32 ^e 細 <i>Tế</i> : Kĩ (Nết quét). |
| 11 ^e 清 <i>Thanh</i> : Trong (Nết gội). | 33 ^e 才 <i>Tài</i> : Tài-năng (Nết học). |
| 12 ^e 理 <i>Lý</i> : Sửa san (Nết tâm). | 34 ^e 詳 <i>Tường</i> : Rành rẽ (Nết đọc sách). |
| 13 ^e 潔 <i>Khiết</i> : Sạch (Nết giặt). | 35 ^e 功 <i>Công</i> : Chí công (Nết viết). |
| 14 ^e 常 <i>Thường</i> : Có chừng (Nết đi tiêu). | 36 ^e 巧 <i>Xảo</i> : Khéo (Nết vẽ). |
| 15 ^e 便 <i>Tiện</i> : Dễ (Nết đi tiêu). | 37 ^e 推 <i>Suy</i> : Tinh (Nết toán). |
| 16 ^e 厲 <i>Lệ</i> : Rõ ràng (Nết nói). | 38 ^e 護 <i>Hộ</i> : Cưng (Nết mượn sách). |
| 17 ^e 儀 <i>Nghi</i> : Phép (Nết chào hỏi). | 39 ^e 敏 <i>Mẫn</i> : Siêng (Nết sắp dọn). |
| 18 ^e 善 <i>Thiện</i> : Hiền (Nết cười). | 40 ^e 究 <i>Cứu</i> : Suy xét (Nết biết mùi). |
| 19 ^e 怡 <i>Di</i> : Vui (Nết mừng). | 41 ^e 慎 <i>Thận</i> : Kiên dè (Nết uống thuốc). |
| 20 ^e 威 <i>Oai</i> : Nghiêm (Nết giận). | 42 ^e 保 <i>Bảo</i> : Giữ mình (Cử trầu thuốc). |
| 21 ^e 感 <i>Cảm</i> : Tủi (Nết buồn) khóc. | 43 ^e 孝 <i>Hiếu</i> : Thảo (Ở với cha mẹ). |
| 22 ^e 道 <i>Đạo</i> : Phải lẽ (Nết vui). | |

- | | |
|---|--|
| 44e 忠 <i>Trung</i> : Ngay (Ở với chủ, (chúa)). | 50e 親 <i>Thân</i> : Thương (Ở với bà con). |
| 45e 悌 <i>Đề</i> : Thuận (Ở với anh chị). | 51e 信 <i>Tín</i> : Tin thiết (Ở với bằng hữu). |
| 46e 恭 <i>Cung</i> : Kính (Ở với chị dâu, anh rể). | 52e 敬 <i>Kinh</i> : Kính (Ở với kẻ già). |
| 47e 友 <i>Hữu</i> : Hòa (Ở với em). | 53e 謙 <i>Khiêm</i> : Hạ mình (Ở với kẻ lớn). |
| 48e 尊 <i>Tôn</i> : Trọng (Ở với ông bà). | 54e 柔 <i>Nhu</i> : Mềm-dịu (Nết chơi). |
| 49e 禮 <i>Lễ</i> : Phép-tắc (Ở với thầy). | |

SĨ HỮU BÁ HẠNH MỤC LỤC

CUỐN NHÌ (về phân con trai lớn học).

(Không phải cách học trò dùng, nên tôi không dám gởi dượt).

- | | |
|--|---|
| 55e 惠 <i>Huệ</i> : Ôn (Ở với trẻ nhỏ). | 71e 勇 <i>Dũng</i> : Mạnh (Bình kẻ yếu). |
| 56e 寬 <i>Khoan</i> : Rộng (Xử tội đời). | 72e 教 <i>Giáo</i> : Dạy. |
| 57e 奉 <i>Phụng</i> : Cung phụng (Kẻ làm đấng). | 73e 化 <i>Hóa</i> : Chỉ vẽ, kẻ quê mùa. |
| 58e 恩 <i>Án</i> : Ôn (Xử kẻ dưới tay). | 74e 順 <i>Thuân</i> : Xuôi (Nết làm khách). |
| 59e 斷 <i>Đoán</i> : Xử (Xử kẻ thừa kiện). | 75e 通 <i>Thông</i> : Thông (Nết đãi khách). |
| 60e 義 <i>Nghĩa</i> : Phải (Với lối xóm). | 76e 辯 <i>Biện</i> : Phân giải (Giải bòa). |
| 61e 誠 <i>Thành</i> : Thiết tình. | 77e 戒 <i>Giới</i> : Răn. |
| 62e 交 <i>Giao</i> : Kết. | 78e 傲 <i>Kinh</i> : Dè. |
| 63e 恕 <i>Thứ</i> : Xét. | 79e 權 <i>Quyền</i> : Thao. |
| 64e 情 <i>Tình</i> : Tình. | 80e 達 <i>Đạt</i> : Thông. |
| 65e 慈 <i>Từ</i> : Lành. | 81e 力 <i>Lực</i> : Sức (làm ruộng rẫy). |
| 66e 嚴 <i>Nghiêm</i> : Nghiêm. | 82e 質 <i>Chất</i> : Thiết (Cách lập vườn). |
| 67e 讓 <i>Nhuợng</i> : Nhường (Đãi kẻ sang). | 83e 精 <i>Tinh</i> : Ròng (Cách làm thợ). |
| 68e 直 <i>Trực</i> : Thẳng (Đãi kẻ giàu). | 84e 哲 <i>Triết</i> : Khôn (Cách đi buôn). |
| 69e 仁 <i>Nhơn</i> : Nhơn (Đãi kẻ nghèo, tật). | 85e 公 <i>Công</i> : Công bình (Vừa hàng hóa). |
| 70e 憫 <i>Mẫn</i> : Thương xót (Kẻ hèn hạ). | 86e 節 <i>Tiết</i> : Bền chí (Chí-khi). |
| | 87e 勤 <i>Cần</i> : Siêng (Siêng năng). |

88 ^e 儉 <i>Kiệm</i> : Dành dè (Tiện, lo hậu).	94 ^e 正 <i>Chánh</i> : Ngay thẳng (Sửa lòng).
89 ^e 忍 <i>Nhẫn</i> : Nhịn nhục (Dẫn lòng).	95 ^e 脩 <i>Tu</i> : Trau mình (Sửa mình).
90 ^e 智 <i>Tri</i> : (Có trí khôn, không lầm).	96 ^e 謹 <i>Cẩn</i> : Kiêng dè.
91 ^e 廉 <i>Liêm</i> : Trong sạch (không tham).	97 ^e 和 <i>Hòa</i> : Hòa.
92 ^e 耻 <i>Sỉ</i> : Biết thẹn (Sợ xấu hổ).	98 ^e 溫 <i>Ôn</i> : Hiền.
93 ^e 德 <i>Đức</i> : Đức hạnh (Có âm chất).	99 ^e 裕 <i>Dũ</i> : Rộng.
	100 ^e 懷 <i>Hoài</i> : Cung.

Dư giấy đặt bài thơ Nhi-thập-tứ-chuyển,
cho các trò tập đọc:

1^o Đọc như thường xuôi xuống; 2^o xuôi trở lên; 3^o đọc ngược xuôi xuống; 4^o đọc ngược xuôi lên, là 4 bài vận bình.

Rồi bỏ 2 chữ đầu, cũng đọc bốn bận. Bỏ 2 chữ đuôi, cũng đọc 4 bận nữa. Cộng 12 bài. Nếu biết chia *a, b, c, d*, còn đọc 12 lần nữa, thành 24 bài.

THƠ RẰNG :

A. — Ban ơn; thưởng báo đền, sơ lược.

B. — Chọn sách, cần trò học, đạo Nho.

C. — Quan duợt; tưởng công nên, xuống phước.

D. — Trọn nhờ, ân cả đọc, nhiều pho.

CÁCH ĐỌC. — 1^o *a, b, c, d*, đọc xuôi; 2^o *c, d, a, b*, đọc xuôi; 3^o *b, a, d, c*, đọc ngược; 4^o *d, c, b, a*, đọc ngược; 5^o *a, b, c, d*, đọc ngược; 6^o *c, d, a, b*, đọc ngược; 7^o *b, a, d, c*, đọc xuôi; 8^o *d, c, b, a*, đọc xuôi.



THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

PHYSICS DEPARTMENT
5712 S. UNIVERSITY AVE.
CHICAGO, ILL. 60637

PHYSICS 350
LECTURE NOTES
BY
RICHARD P. FEYNMAN

LECTURE 1
ELECTROSTATICS

1.1. THE ELECTRIC FIELD
1.2. GAUSS'S LAW
1.3. POTENTIAL

1.4. CAPACITORS
1.5. ENERGY

1.6. DIELECTRICS
1.7. SUMMARY

APPENDIX A
MATHEMATICAL PRELIMINARIES

A.1. VECTOR CALCULUS
A.2. DIFFERENTIAL EQUATIONS

A.3. INTEGRATION
A.4. SPECIAL FUNCTIONS

SĨ HỮU BÁ HẠNH

Cuốn thứ nhất (dạy học trò).

BÀI THỨ NHẤT.

養 *Dưỡng*: Nuôi mình.

1^{er} — 食行 *Thực hạnh*: Nết ăn.

Nhơn dĩ thực vi tiên: Con người lấy ăn làm trước, nên dạy nết ăn ở là thứ nhất. Cách ăn của con trẻ, mới cầm đũa tay mặt là thuận, cầm muồng nĩa cũng vậy; vì tay hữu mạnh hơn. Còn tay trái (tay tả) thời bưng chén cơm.

Phận mình là nhỏ, khi dọn mâm cơm rồi, thì đi mời cha mẹ, ông bà, người lớn trong nhà, kể anh chị lên ngồi đủ mặt; mình mới ngồi sau uơi dưới hết; là chỗ bực nhỏ; gần bồn cơm (rá cơm). Dưng nước cho các người lớn tráng miệng rồi hết, mình mới tráng miệng sau. Đợi các người lớn cầm đũa đều hết, mình mới cầm đũa xá một cái, đợi các người lớn và cơm trước; mình mới và sau. Đợi các người lớn gấp món chi rồi hết, mình mới gấp theo sau. Giáp hết các món đồ ăn đủ rồi, sau tự ý mình; muốn gấp chi thời gấp.

Còn trước khi mời ngồi, thời coi ngựa ván rộng hẹp: rộng thời ngồi xếp bằng, chật thời dựng một chơn. (Nếu ngồi ghế thời thông hai chơn dễ hơn). Ngồi mà ăn thời ngồi ngay thẳng, đừng lết gần mâm cơm lắm, đừng dựa qua dựa lại; hoặc gục đầu ngoèn cổ. Gấp món chi cũng đưa chén cơm mà hứng đừng cho nhều đồ ra ngoài, rồi để vô chén mà và, chớ há miệng dứt vô; coi bộ xấu lắm! Mình lựa trước trong bụng, rồi sẽ gấp, gấp được bao nhiêu thời hay bấy nhiêu; đừng gấp lên rồi bỏ xuống, dặng lựa miếng khác; còn miếng mình chê đó; bỏ cho ai ăn? Hoặc là gấp ít, rán kẹp thêm cho vậy đũa! Chi bằng dặng bao nhiêu cũng phải, bắt quá lần sau gấp nữa.

Phải coi các người lớn vẽ không dứt, thời phải vẽ tiếp. Coi chừng các người lớn hết cơm, thời xin trao chén cho

mình đơm thêm. Nếu có thổ (tộ) cơm sót, thời khỏi đơm từ người, song phải ngó chừng, đơm thêm thiệt đầy, để đó cho sẵn.

Nếu đồ ăn chi ngon hơn hết, thời mình ăn chút-dinh, như ờng cho người lớn dùng, đừng cứ mấy món ngon mà rĩa mãi! Đồi đũa mình và cơm, giữ vèn khéo; năng tэм chén cơm, đừng cho đồ tháo, rui cơm rớt thời lượm mà ăn, cơm có dính đũa; thời gạt vô chén mình; đừng để đũa dính cơm; gấp rớt vô món đồ ăn khác; hay là mút đũa cho sạch cơm; đũa vẩy nước miếng thò vô món khác; thời người nhòm lăm.

Muốn múc canh, hay là nước chi, thời để đũa xuống, gác trên vành mâm, rồi mới cầm muông mà múc, cũng đưa chén theo hứng, trút vào chén mình mà ăn; đừng có húp còn dư để đọng trong muông; hoặc đồ ại tộ ấy; đều là vô lễ. Trừ ra nhà sang, mỗi cái muông, đều để trên đũa nhỏ, riêng mỗi người; thời mới dám húp, bằng không cứ để chan vô chén là phải hơn. Chớ học đũa lấu ăn: tay cầm cũa, cặp thêm cái muông mà múc, đũa day ngang đụng chạm nhắm người, (mới thiệt tay thủ-đoạn).

Phần mình mắc đơm cơm sót, ăn rồi sau cũng chẳng ngại gì, đừng lật đật và thẳng búng mà nhai không nhỏ; cho tới mắc nghẹn; dầu không mắc nghẹn, ngậm chàm-bàm cũng khó coi! Hoặc sớn-sát lụp chụp đụng chén nhằm răng lộp-cộp, hoặc nhai lia cắn nhằm lưỡi; đều mang tiếng lấu ăn; xấu lắm! Nếu muốn ho, muốn sặc, muốn ói..... thời đi ra sau hè, rồi sẽ vô; đừng ngồi đó ho khạc; hoặc nhảy mũi; hỉ mũi, đều là vô lễ.

Người lớn ăn rồi trước, người xá mà để đũa, mình cũng xá theo. Bước ra bưng thau nước rửa mặt lại đó. (Nếu có chỗ để thau nước sẵn, thời khỏi bưng). Lo đi pha nước bưng lại, đưa hai tay. Cách bưng nước: tô thời có dài, tách thời có dĩa, bằng không dài, thời bợ ngoài tô, với dưới khu tô; chớ thọc ngón tay cái vô miệng tô mà người gớm. Hoặc món đồ ăn chi hết thời mình đi múc rội thêm; rồi ngồi lại ăn nữa, có muộn chi đâu? Ấy là phận nhỏ cách hầu ăn như vậy. Dưng nước đủ mặt mình ngồi lại ăn sau: món nào còn nhiều đang để dành, thời đừng động tới. Còn các món dư thừa nhiều, thời lấy đồ sạch (chén, dĩa, tộ sạch)

mà sốt qua để lại dễ coi. Nếu các món dư ít-oi chút dính, thời mình sốt hết vô chén mà ăn; đừng nghe lời nói lẽ: « Ăn đồ thừa thời ngu ! » Ai nhà vô đó mà gớm ? Khôn dại tại mình, đừng nghe lời cử bậy, hủy hoại vật thực. nửa ăn nửa bỏ mà mặt, sau còn bị tội trời. Tới khi mình ăn gần rồi, vét chén cơm cho sạch. Rồi cầm đôi đũa xá một cái, để gác ngang ngay thẳng trên miệng chén cơm mình. Rồi mới rửa tay rửa miệng mặt, khăn lau sạch sẽ, rồi mới uống nước.

Cách vệ sanh trong việc ăn cơm : Ăn rồi phải đi một khắc chớ tiêu-tán, và há miệng hà hơi nhẹ-nhẹ êm-êm cho hơi nhiệt độc ra hết, thời khỏi sanh bệnh. Đừng ăn các món đương nóng quá, chia nướ mau hư răng; cũng đừng nhai xương, hoặc nhai mia mắt, xước mia cây, như xeo nạy cho răng rụng sớm. Không nên xỉa răng, e trống chùn răng mau tiêu, hoặc chảy máu sanh sâu, sau ăn răng mau rụng. Cứ năng súc miệng cũng sạch, lấy tay kỳ răng, đừng cho bọt cơm đóng; hoặc dùng bàn chải; chải êm-êm; nếu chà sát quá, tróc nướ thời răng phải lung lay sớm. Ăn vật chi cũng súc miệng cho thiệt sạch.

THƠ RĂNG :

*Đũa cầm tay mặt, thuận theo đời.
Chén hừng đồ-ơn khỏi nhều rơi.
Vật quý nhin nhường, hầu kẻ lớn,
Tiếc cơm là ngọc của ông trời.*

BÀI THỨ NHÌ.

量 *Lượng* : Vừa sức.

2^e — 飲 行 **Âm hạnh** : Nết uống.

Cách uống nước, trước phải trang miệng (súc miệng cho sạch rồi mới bung tô chén (tách nước). Tay bung bợ dưới khu tô chén, ngón tay cái kèm trên miệng, như tách có quai thời cầm quai mà uống, phải coi nước có bọt-nhờ bằng, hay là con quăng; nếu ban đêm phải có đèn; đừng uống thắm uống tối. Nước lạnh cũng uống cách hòa-huẩn, hớp ít nuốt êm, đừng uống một hơi, nuốt ọt-ọt! Hoặc nhúng vào tô chén, cho người chề gớm, hoặc lấu uống nuốt nhiều cho nghẹn sặc, người chề hốc uống xấu xa!

Cách uống nước trà, thời thở hơi vô chén cho nguội mà hớp lần, chớ học thói quê, nhọn mỏ thời pho-pho đi lắm ! Phép uống nước trà Tàu, phải chừa cặn trà, là xác trà nát đọng dưới chén, gọi là kiếng trà ; phải đồ. Cách uống trà Huế chẳng nên đồ cặn, phải để lại tó. (Họ còn đồ vô om.)

Ta chẳng muốn cho học-trò tập nhậu, nên nói sơ qua, phòng khi đám tiệc, thời phải bung ly rượu đưa lên mà so với người, tục kêu cung ly, nghĩa là đưa ly mà mời nhau. Rồi nhắm một chút cho qua tang-lễ, nếu tập quen ghiền, sanh bệnh khờ lắm ! cùng chẳng đã phải vị tinh, ké môi, làm bộ nhắm mà mím môi, rồi để xuống, cũng không ai biết.

Cách vệ-sanh : Uống nước lạnh phải lọc (lược) vì sợ loài trùng độc vào bao tử và ruột. Nhà sang lọc nước bằng cái phít, nhà thường lược nước bằng vải thưa, (mặt rây bít đầu máng xối hứng nước). Nhưng mà không bằng nấu sôi trăm giậu. (Kể từ nước sôi, để sôi thêm năm phút, thời dư trăm giậu). Nguội rót vào bình, bầu, thạp (khạp), hủ, v.v., đây nắp cho khỏi bụi, uống cũng như nước lạnh. Ai muốn uống nóng, thời rót vào bình tích, uống đã khỏi độc, lại còn thêm bổ tạng phủ nữa. Dầu uống trà Huế trà Tàu, cũng để sôi lâu như vậy, mới khỏi trùng độc. Song tánh trà cũng độc, nếu bụng trống uống tra thời bào bọt xót ruột.

Uống thường nó đóng bợn trong trường vị, cũng như bình tích chén trà vậy, sanh ra đau bụng. Mấy người già hay uống trà ngon, khô mỡ nên ít ngủ ; nếu trà dở thời nóng xót. Trừ ra trà ngon trị nhức đầu, nóng lạnh, tiêu tang dầu mỡ chiên xào, và tiêu thực, trị no-hơi, nếu ăn cơm rồi thời nên uống, có ăn vật chi, uống cũng tiêu thực, tánh chát nên cầm tả, và trị đau bụng cũng khá. Đói bụng vô sự không nên uống.

Còn rượu độc vì men, bởi dùng p'ụ tử, quế khâu, gừng-khô, riềng, bèo, bồ-hóng, đồ nhiệt độc làm men, nên uống rượu vào thời say nóng quá hóa cuồng, vì đốt gan, ôn tâm vọng hỏa, hơi nóng xung lên khô phổi, sanh đàm độc, hại mất trí-khôn và mau chết. Trừ ra chưng thuốc, ngâm thuốc mà làm thuốc rượu, có phụ tử trong men, nên dẫn thuốc chạy đều châu thân theo huyết, chạy cùng gân cốt ; mau thấm hơn thuốc thang thuốc tán.

Nếu mồng một tết, mua ba lượng Châu-hùng-hoàng, không tới hai cật, bảo tiệm tán nhỏ, về đổ vô chai lít, ngâm nửa lít rượu đây nút kín. Gặp mùa thiên-thời, mỗi ban mai uống nửa muông có lộn cái (lắc rồi mới rót), hơi trong mình ra, hơi độc ngoài thấm vô không được. Người mạnh rượu, uống đôi ba muông cũng đặng. Đàn bà chữa không nên uống, theo mũi đôn hơi độc cũng đủ. Con nít uống một muông chia tư (một góc tư muông).

THƠ RĂNG :

*Hợp it nuốt êm khỏi sặc ngứa,
Giữ thường súc miệng sạch hàm răng.
Nhậu trà (chè) cơn đói bảo trường vị (Ruột, bao-tử).
Trăm giọt nước sôi thuốc sánh bằng.*

BÀI THỨ BA.

進 *Tấn* : Tới.

3° 一行行 *Hành hạnh* : Nết đi.

Nết đi bước vững vàng, đứng và đi và nhảy như chim sẻ-sẻ, người chề là tước-bộ. Đi nghèn cồ như con rắn, chúng chề là xà-bành. Và đi và chạy, chúng nhểc vô-duyên. Đứng đi xà-ninh xà-nang chúng chề đi hai hàng. Đứng khua guốc khua giày, chúng nhểc làm phách. Đi lờ-đờ chúng chề rùa bò ! Nếu thái quá bất-cập đều xấu, giữ bực trung thời vừa. Nếu đường trơn bờ ruộng thời phải đi chậm cho vững vàng : bước chơn nầy vững, rồi sẽ bước chơn kia, phải bắm móng cẳng xuống, dầu trơn trượt cũng khỏi té ; và phải xắn quần áo ; có ý tứ coi chừng trâu dữ, nó ghét dù, nhứt là đồ trắng. (Dùng đồ đen).

Còn đường lộ thời cứ đi dựa mé lẽ, xe ngựa xe hơi gần tới, thời bước lên lẽ mới khỏi bị cán. Đi gần đường-rầy xe-lửa cũng bị hại. Nhiều kẻ dễ-người không nhằm giờ xe lửa chạy nhảy lên đường rầy mà đi, hoặc đi khít đường-rầy, rủi bị xe quan, xe cát, hoặc xe chết máy nên chạy không chừng, mới bị cán mà chết ! Dầu thấy xe-lửa mà tránh, bên nầy rủi bị xe hơi xe ngựa, mình ở giữa.

mới tránh ngõ nào ? Nhứt là Sài-gòn Chợ-lớn, xe-lửa-nhỏ và xe hơi, phải nhắm trước xem sau mới khỏi bị tại vì nghiệp vô ý. Đi qua cầu càng kiêng sợ lắm : cầu-xây, cầu-tre, cầu-khỉ thời dễ té. Còn cầu lớn, phòng xe hơi xe ngựa sát bên mình, nếu vấn dù, áo quần, nó cũng guộn vô mà chết, tránh meo họ lặn té xuống sông lớn cũng chết trôi !

Sự đi đường có phép : thấy phụ-nữ đi phía bên kia, thời mình tránh qua mé bên này, gọi là nam tả nữ hữu ; bờ con phải nhường đường cho người-lớn đi trước, có việc gấp thời phải xin lỗi rồi sẽ đi trước. Người gánh nặng, tuy không già, mình cũng nhường đường. (Kẻ có bụng xách cũng vậy.) Nếu vô ý đụng đồ bề, thời người đi không phải mắc thương. Đi đâu cũng chằm-chỉ cho tới nơi, chớ gặp đám nào cũng ghé coi, mà trễ việc. Đừng học thói điếm-dàng dạo chơi hura căng, đêm nào cũng vầy đoàn nhập lũ đi rần-rật, lý om-sòm cho chúng chê !

Trong khi đi học đừng chơi dọc đường mà trễ nải. Tới giờ về cũng vậy. Gặp người quan-trưởng phải chào, đừng nói chuyện um-sùm, và chọc gheo chúng, họ nói động tới thầy mà lỗi.

Còn ở nhà đi ngang chỗ người lớn ngồi, phải cúi đầu, và đi nhẹ chơn ; không nên vụt-chạc. Phàm đi đâu cũng phải ngó dưới chơn, kéo đạp nhằm đồ-dơ, hoặc vấp. Nhứt là đi đường phải có ý mới khỏi đạp gai chông, miếng chai, miếng sành, xương các vật.

Cách vệ sanh : sự đi rút mau quá, hay là đi xa lắm, đi nhiều giờ cả ngày, thời hoải gân ; nên đi đứng năm ngồi phải thay đổi, đừng rần đi rút quá mà liệt-gân. Cùng chẳng đã phải đi đường xa nhiều giờ, thời đi chằm rãi mới bền. Nếu đi với chị em mình, bờ nỏ phải nhường phụ-nữ đi trước.

THƠ RẰNG :

Mau chậm theo thời, bước nhặt khoan.

Chơn đi ngay thẳng chớ hai hàng.

Sau lưng kẻ lớn, nhường ngư vi nặng.

Giày guốc đừng khua nết vũng-vàng.

BÀI THỨ TƯ.

重 Trọng: Vững vàng.

4^e — 立行 Lập hạnh: Nết đứng.

Nết đứng cho ngay thẳng nghiêm-nghị, đứng ngoài cổ gục đầu, hay là nẩy ngựa! Chớ cắp tay treo sau tròn, như bị trời-ké. Đứng đứng một chơn thẳng, một chơn dùn; phải đứng cho đều mỗi thời đi, hoặc bước tới bước lui chút ỏinh cũng bớt mỗi.

Cách đứng xuôi tay cũng dặng, hầu người-lớn thời vòng tay, không hầu ai, thời thông-thả: hoặc muốn chống nạnh một tay cũng dặng, đứng chống nạnh hai tay. Muốn chống dù, vịn cái chi tự ý. Trừ ra đứng nói chuyện với người ngang vai, mới dặng chỉ chỗ và cười. Nếu hầu người lớn, thời không phép như vậy. Nói dứt việc, phải xá người lớn, rồi thối lui ba bước, mới dám sắp lưng (day lưng). Nếu người lớn còn nói với, thời phải day mặt lại mà trả lời, không phép và đi và nói với lại.

Cách vệ sanh: không cho đứng lâu quá, e mỗi xương cốt phải bệnh. Thà đi qua đi lại, chẳng nên đứng sững rục xương.

THƠ RẰNG :

*Đứng đứng chơn thẳng một chơn dùn,
Chẳng hằng đeo-ne nết xấu hung.
Chớ tập cắp tay, khòm hoặc nẩy,
Đứng lâu xương mỗi, hại vô-cùng.*

BÀI THỨ NĂM.

端 Doan: Ngay thẳng.

5^e — 坐行 Tọa hạnh: Nết ngồi.

Nết ngồi ghế thời thông hai chơn xuống, đứng gác lên mặt ghế, cũng đứng chàng-hảng, hoặc xếp-bàng trên mặt ghế. Người già yếu lạnh-lẽc thời xếp-bàng ghế nhà mình; chớ ghế người mà gác chơn lên, e hư mặt mây, hoặc dơ nệm lót; đều là nói chuyện đi giày hàm ếch. Nếu đi chơn, hoặc giày lên gót, giày Tàu, không phép gác lên. Tuy

thông hai chơn, cũng để ngay thẳng. đừng đánh đòng-đưa, cũng đừng rung đừng nhịp. Còn ngồi thời ngay thẳng đừng khòm; ghế có dài. muốn dựa thời dựa, song đừng vênh mặt lên, mà cũng đừng gục đầu xuống; đừng ngoèn qua ngoèn lại. Muốn ngồi gần bàn, thời nhắc ghế xớm tới, đừng để vậy mà kèm cho ghế chúc lại trước. Còn tay đừng để trên bàn, là vô lễ lắm. Cũng đừng lấy tay gõ nhịp trên bàn.

Còn cách ngồi ván-ngựa, chông, giường, rộng thời xếp-bàng, hẹp thời dựng một chơn, áo phủ quần (đầu-gối). Như áo-vấn thời phủ trước sau cho thẳng-thớm kín đáo. Ngồi ngay lưng, đừng khòm đừng nẩy, đừng dựa hai bên; bực lớn hơn mới dựa gối-dựa. Dựng chơn lâu có mỏi thời đi lảng.

Cách vệ sanh: Không cho ngồi lâu, vì sợ tổn thối, ngồi lâu quá cũng tê, huyết chạy không đặng. Mỗi thời kiểm cơ mà đi khuấy lảng một chút; là sự cùng chẳng đã phải ngồi với khách.

Còn sự ngồi viết, phải để cái bàn với cái ghế cho vừa, nếu cúi đầu thời long-óc sồ mũi, dựa ngực vô bàn thời sau sanh bệnh tức, vì sự thường ngồi mỗi ngày; đừng khòm quá quen xương thành tật, chớ niềng đầu nằm sắp khó coi.

THƠ BẰNG :

*Thông chơn ngồi ghế, thế đều tựa,
Ván rộng xếp-bàng, hẹp dựng chơn.
Cẳng chớ nhịp rung, đầu chớ niềng,
Đừng khòm đừng nẩy, áo che quần.*

BÀI THỨ SÁU.

息 *Tức*: **Ngỉ.**

6° — 臥行 **Ngọa hạnh**: Nết nằm.

Nết nằm vì mỏi; nằm mà nghỉ; không nên nằm sắp; e tức ngực, long-óc, cũng đừng nằm ngửa chình-chông, chàng hăng, sai tay, coi bộ xấu lắm. Cứ nằm nghiêng ngay hai chơn, hoặc một chơn tự ý; song phải lấy vạt áo phủ tròn, mỗi trở nghiêng cũng vậy. Đầu nằm vòng, hoặc ghế dài, cũng phải nghiêng hơi.

Cách vệ-sanh : Nằm gối bông gòn cho êm, thời huyết dễ chạy khỏi chứng nhức đầu, tê đầu. Nằm hết mỗi thời dậy, nếu nằm lâu ứ-huyết thời huyết bịnh, tụ máu sanh ghẻ.

THƠ RẰNG :

*Đừng nằm sấp, giữa, cứ nằm nghiêng.
Mỗi trở bên kia, áo phủ liền.
Dùng gối bông gòn đầu khỏi nhức.
Ghế dài, nằm vòng cũng hơi xiên.*

BÀI THỨ BẢY.

靜 *Tĩnh* : Lặng lẽ.

7° — 睡行 Thóa hạnh : Nết ngủ.

Nết ngủ cũng do nơi nết nằm mà ra, song cơn khuấy-tịch chưa ngủ, thời nằm sai-tay giải chơn cho thông-thả hết mỗi. Nếu buồn ngủ, phải nằm nghiêng lại mà ngủ. Chưa buồn ngủ đừng nhắm mắt mà ép ngủ, cay con mắt mà ngủ không đặng. Trời nực thời quạt, trời lạnh thời đắp mền; đều phải có mùng ngăn muỗi và sương gió. Nực lắm có nằm ngoài cho mát, gần ngủ cũng vô mùng. Chờ ngủ vòng trúng phong đờ cổ. Ngủ ván gỗ không trải chiếu, nhiều khi trúng hạn phát lạnh. Nhất là có bịnh nóng lạnh (rét) đều kỵ nằm ngồi ván gỗ, hoặc ngồi đôn và ghế cầm-thạch. Gần ngủ cũng súc miệng như mới dậy, khỏi hư răng.

Cách vệ-sanh : Sự buồn ngủ vì mệt ngũ-quan (mắt, tai, miệng, mũi, tay-chơn). Coi quá mỗi con mắt. Nghe quá mệt lỗ tai. Nói quá mỗi miệng lưỡi. Thở quá mệt hơi. Làm quá đi qua, mỗi tay-chơn. Vì các cơ ấy nên buồn ngủ (Ăn no quá, mệt ti-vị cũng buồn ngủ). Chẳng nên thức rần tới ngủ gục. Ngủ thẳng giấc thời dậy, đừng nằm ép ngủ nường (nán) thại quá bất-cập đều sanh bịnh. Chưa ngủ nằm vòng-trởng, lo tỉnh quá cũng tổn tinh thần. Cách ngủ nằm mở mắt, không trởng tới sự chi hết, tự-nhiên ngủ quên, ấy là : lòng ngủ trước, mắt nhắm sau, khỏi cay con mắt. Người làm việc ngủ ngày cho khỏe đặng chiều làm việc. Mình không mệt chẳng buồn ngủ, cũng bắt chước nằm ép ngủ ngày cho thành tật, làm mất ngày giờ! Xưa thầy Tề-Ngã



ngủ ngày. Đức thánh Khổng-tử chê rằng: « Cây mục chạm chẳng dặng... » Tề-Ngã nghe thầy quở bỏ tật ngủ ngày, mới nên người hiền (ngủ quá cũng sanh bệnh).

THƠ RẰNG :

*Thức nằm ngay duỗi, ngủ nằm co,
Chớ sai tay chơn, nhớ dẫn dò.
Nực quạt, lạnh mền, mừng đón gió,
Thức khuya dậy sớm rạng danh trò.*

BÀI THỨ TÁM.

莊 Trang: Tề chỉnh.

8^e — 衣行 Ý hạnh: Nết mặc (bận).

Nết mặc là cách bận y phục, đừng dùng áo chẹt quá, vì hồi mới lần còn được, cũ lần thường, hai cựa tay rách trước; dầu khéo lần không rách cũng thất công, rũi con chi chun vô cần trong bắp tay, đợi còi áo cho rời, nó cần đã nhiều vít; nếu nhắm rít, hay là bò-cạp mới khổ nữa. Bâu hẹp cũng thất công, thử không thông-thả cũng bệnh. Đừng bắt chước thói tệ; gọi áo chẹt bó là tốt. Bận áo rời sửa bâu cho ngay thẳng, vượt đỉnh tà tròn-áo đang-hoàng. Đừng nhét áo vô lưng quần, coi dị sự lắm. Còn bận áo dài cũng vậy, nếu có gài nút-nịt ở trong (áo cổ-giữa), thời áo ngoài không gài nút-nịt cũng dặng. Trừ ra hầu quan, hoặc hầu người-lớn thời phải gài đủ. Còn quần bận cho ngay thẳng, tay rời sau tròn, đường-ép cân phân, thời khỏi méo đáy. Không kỹ như vậy, thời lấy ống làm đáy, bó căng bước không thông-thả. Nếu đi lâu, coi hơi chẵn một chun, thời biết tại dây nịt (dây-lưng) lỏng, nên nó xây lưng quần méo đáy mau xây sửa lại thời hết chẵn. Dầu dây-lưng dây-nịt cũng buộc cho vừa, lỏng quá thời hay vượt, riết lắm thời tức bụng, có lẫn lưng tụ máu. Dùng dây-nịt thun tiện lắm, ăn no nó rán ra; không tức bụng; đôi nó thâu lại khỏi sút quần; mình khỏi thâu nới.

Còn tới chỗ trọng phải bịt khăn-đen, mà chận tóc-con kéo gió đánh xấp-xụi; nên che hết tóc-trán thời đúng bực. Trước hết soi kiển cho ngay chữ-nhơn, hoặc đều vòng-cân, nếu quen rời tay rời chữ-nhơn ngay mũi, không cần soi gương,

Còn mỗi con xếp cho đều, vẫn chõng nhau cho ngay thẳng, mỗi lớp cao hơn nhau một thí mà thôi. Đời nay (bày khăn đóng đã mau lại tiện; giặt mỗi chắc thời khỏi sút. Còn thường dùng nón che nắng, nón trắng (nón mớp) dơ thời đánh phấn, nón màu khác thời chải bụi, phải cứng giữ cho lắm, móc để có nơi. Ở trong nhà chẳng hề dùng tới, đi nắng mới dùng, đội cho ngay thẳng thuận bề.

Khi chào người thời phải giở nón (nón nữ thời lật), vào nhà người cũng vậy. (Con-mắt đừng ngó láo luân, đừng coi thơ coi sỗ của người, người đương viết thơ cũng đừng dòm ngó). Khi mới bước vào nhà, nếu cửa khép thời gõ cửa êm-êm và tăng-hăng cho người biết tiếng, nếu gõ ba lần, người chẳng ra rước, thời trở về, đừng làm ngang xó cửa mà vào, nếu người mở cửa, thời mình giở-nón ngó xuống bước vào; cầm nón đợi người mời để sẽ đề. Nếu trời mưa, hoặc đi đàng xa, dầu có nón cũng phải che dù: mùa nắng dùng dù trắng mới mát, mùa mưa dùng dù đen mới khỏi ướt, dù che ngay mặt-nhứt, mưa che đỡ ngọn gió, thời khỏi tạt, nếu hứng gió thời lật! Nếu trời mát (không mưa nắng) thời sập dù, cầm tay, gập trâu cũng sập; tay cầm cán dù, đừng làm gậy động chõng mà hư cốt, hoặc cặp nách vát vai tự-ý. Còn sự giày (dép), guốc có nhiều cách: Ở nhà đi bùn-lấm thời dùng guốc, song đừng hay tưới nước trên quai, thời lâu mục. Dầu giày nào cũng lựa cho vừa chơn, thà rộng một chút còn dễ chịu, nếu chẹt thời cần mấy ngón chơn, đừng ỹ cắt hết móng cẳng mà khỏi thốn. Đi giày lên gót, đi mạnh tại gót, thời không thốn ngón chơn. Vỡ vừa thời dễ mang, chẹt thời mau rách. Đừng dùng giày chẹt quá mà phải sấm vớt, lâu ngày hai chơn phải bịnh. (Sấm vớt là người to chơn quá, giày hạng nhứt mà không vô, nên dùng.) Nhứt thiết các món dùng theo châu-thân phải giữ cho sạch sẽ, thời mới lâu hư. Đồ đen đồ trắng, theo thể mà dùng: đồ trắng khó giữ hơn, cùng chẳng đả theo cách làm việc, phải dùng khăn trắng, quần trắng, áo cò giữa trắng, biết giữ gìn lựa chỗ mà ngồi, nằm, đừng dựa nơi không sạch. Đồ trắng kị nhiều món, vậy thời dơ, đồ đen lại kị phấn và màu trắng, ở trong nhà dùng đồ đen tiện hơn, khoi giặt sà-bong, lâu rách.

Cách vệ sanh: Sự bận tùy theo nực lạnh, cho vừa thời tốt. Hâm quá thời bịnh, lạnh quá cũng đau. Khăn bịt chắc

quá thời nhưc đầu. Giày guốc hẹp quá thời đau căng. Nên đồ thừa dùng theo mùa hè cho mát. Đồ dày dùng theo mùa đông cho ấm. Buộc dây nịt không cho riết quá có lẫn lưng, mang kiềng không bó quá có lẫn mặt. Đừng bận đồ dơ sanh bệnh hóa ghê.

THƠ RẰNG :

*Áo đing chet quá khỏi hư lai,
Nút nít áo ngoài trong phải gài,
Giày guốc chớ dầm, quần chớ méo,
Bịt k' ăn ngay thẳng, nón giời mai.*

BÀI THỨ CHÍN.

新 Tân : Mới.

9^o — 盥 行 Quán hạnh: Nết rửa mặt.

Nết rửa mặt, bởi nhà-quê nên thất giáo : cứ bung tô nước xối một tay mà rửa trảy-nhớt như mèo! Há chẳng thấy nhà thề thống có thau bạc là thau rửa mặt, để trên giá ? Còn đời nay có bàn rửa mặt, để thau nước, bình đựng nước. Dầu nhà nghèo sắm không nổi như hai cách nói trên đó, thời dùng một cái ghế xấu để việm nước, hũ nước, và cái khăn bàn vắt trên cây nạng cũng đủ. Mua một đôi su sà-bong đựng trong đĩa, để gần đó, có tô chén múc nước súc miệng đôi ba lần sạch rồi, không có bàn chải răng mà chà êm-êm, thời lấy ngón tay trở mà kỳ răng cũng sạch, ăn thua tại súc miệng nhiều lần. Rồi lấy sà-bong thấm chút nước thoa vô hai bàn tay mà chà cho ra bọt thời sạch bụi đất, khoát nước trong chậu rửa lại đôi ba lần cho sạch tay, rồi thoa chút sà-bong vô tay, nhắm mắt thoa mặt kỳ mai ra bọt cùng tai, cổ, rồi khoát nước lạnh rửa lại đôi ba lần mới thiệt sạch, khăn-bàn-lông lau chùi khô ráo. Cách rửa mặt phải cởi áo, xắn quần mới khỏi ướt, nếu để áo thời mở nút-nít, trật bầu, khòm lưng mà rửa, mới khỏi ướt áo. Rửa trúng cách như vậy mới sạch, dầu không sà-bong cũng sạch hơn rửa một tay. Nếu tay dơ rờ đầu dơ đó, phải cạy phao tay.

Cách vệ sanh : Thứ nhứt là ở sạch, súc miệng cho sạch, thời răng lâu hư; rửa mặt sạch đất, không bịt chun lông,

mồ-hôi rịn, thời khỏi cảm thương-hàn là nóng lạnh, và sanh mụn mụn, hoặc ghẻ ngứa. Rửa sạch sẽ thời không xót ngứa, mà lại khỏe mạnh.

THƠ RẰNG:

*Hai tay trong chậu rửa kỳ rồi,
Rửa mặt, cổ, tai, súc miệng môi.
Nhớ đừng khòm lưng không ướt áo.
Càng chơn kỳ sạch, rán trau gội.*

BÀI THỨ MƯỜI.

舒 *Thơ: Xả hơi.*

10° — 梳行 *Sơ hạnh: Nết gỡ đầu (chải tóc)*

Nết gỡ đầu, đừng dục tốc bất đạt, nóng thời chẳng thông. Vì gỡ mau, cào lấy được, càng thắc riết vô, mà rối thêm nữa! Nên cách mới gỡ: bắt trên chun tóc gỡ xuống sau lưng, tới ngay cần cổ, rồi đề đó, bắt dưới ngọn gỡ từ chút mà gỡ lần lên thời mới xuôi. Cách chải chỉ: gỡ như vậy rồi, mới lấy lược dày mà chải êm. Song không bằng mua ba chiêm Tam-tiên-đơn trong tiệm thuốc bắc, thứ màu vàng, tán nhỏ, hòa với dầu-dừa mà xúc đôi lần cho nó chết thời tiện hơn (túng xúc đỡ vài su một lần, chỉ cũng chết.) Bơi dầu tóc cho ngay đừng méo. Nếu cúp tóc, khỏi chải khỏi bơi, cũng phải gỡ.

Cách vệ sanh: No đừng gỡ đầu vô ích, đôi bụng gỡ đầu mới ra hơi nhiệt độc, song gỡ chải êm-êm; nếu lược-sừng xóc vô đầu, độc hơn lược-cây, e nhưc đầu mọc chốc.

THƠ RẰNG :

*Gỡ đầu bắt ngọn, gỡ lần lên,
Nóng gỡ rối thêm, dạn chớ quên.
Cơn đôi gỡ đầu ra nhiệt độc,
Bơi đừng cho méo, giữ theo nền.*

BÀI THỨ MƯỜI MỘT.

清 Thanh: Trong.

11^e — 沐行 **Mộc hạnh: Nết gội.**

Nết gội đầu, trước phải gỡ tóc cho xuôi, rồi mới xối nước cát-lỏi, hay là nước tro, hoặc xà-bong mà gội. Các thứ nước tro lóng lấy nước. Trừ ra tro-rơm thời đựng trong rổ, để trên chậu-không, mức nước xối trên rổ tro-rơm, thấm cho ướt đều, thông-thẳng chế thêm cho nước trong nhĩ xuống chậu. Gội đừng cho nước-tro hoặc xà-bong vô con mắt lỗ tai. Phàm nước-tro hay là cát-lỏi, gội tới hết bọt thời sạch đất. Rồi xả nước lạnh cho kĩ, thời khởi rụng tóc. Đợi thiệt khô tóc sẽ xức dầu, nếu còn hơi ỉ, xức dầu trình dơ lắm, Gội đầu ít nữa mỗi tháng một đôi lần, để quá sanh chốc.

Cách vệ sanh: No gội đầu không cấm, và cần-dẫn đừng cho nước chi vô lỗ-tai, phòng mọc nhánh (nhức lỗ-tai) chảy mũ. Lông tai để ngăn bụi, nếu vấy tai bằng đồ cứng, e thọc rách miếng da mỏng bưng trong lỗ tai, thời điệt hết trị.

T_HƠ R_ẮNG :

*Gội dùng tầm-kết (tạo-giác) cát-lỏi to (cát-lỏi-kiến),
Hoặc nước xà-bong, hoặc nước tro.
Nước bọt đừng vô tai với mắt.
Đợi khô, dầu xức mới thơm-tho.*

BÀI THỨ MƯỜI HAI.

理 Lý: Trau tría.

12^e — 浴行 **Dục hạnh: Nết tắm.**

Nết tắm là làm cho sạch mình, chớ không quý gì nhúng nước. Chẳng nên lội xuống sông, lặn hụp cho nước dục vô lỗ-tai. Hoặc đập nhằm gai gốc, miếng chai miếng sành, bằng không cũng nổi sinh (bùn non), ấy là làm cho dơ thêm. Đứa biết lội thời bị các sự nói trên đó. Nếu không biết lội, e khi hụp chơn mà chết đuối! Lại còn sợ nhằm mùa nước mặn, cá-nóc nó khoét thịt, hoặc đĩa chun vào tai vào mình.....

Như vậy muốn tắm cho sạch, thời đổ nước vào chậu. Khoát kỳ mới sạch hơn kỳ dưới sông. Tắm kĩ, kỳ không sót chỗ nào, đâu đó đều sạch đất. Đôi ba ngày tắm như vậy một lần cũng sạch, còn hơn ngày nào cũng nhúng nước mà kỳ không kĩ. Tắm co sà-bong thời kỳ mau ra đất. Nên nhà thề-thống có phòng tắm. Nực thời tắm nước lạnh, lạnh thời hâm nước, cơn đau cũng vậy. Đừng làm biếng lâu tắm, để bịt chơn lông mà sanh nóng lạnh; dơ xốt gãi nổi sảy nổi mụn, hoặc sanh các thứ ghẻ. Tắm nước ngọt mau sạch, mà khỏe bằng mười nước mặn.

Cách vệ sanh: Lừa cơn no mà tắm, hơi nước không thấm. Tắm gội cơn đói bị trúng nước sanh bệnh căm. Cách tắm phải vào nhà tắm, khuất tịch để kỳ, đừng lỏa thề dưới bóng tam-quang.

THƠ RẰNG :

*Tắm đừng quen thói lội ra sông,
Khoát nước kỳ mài chớ tiếc công.
Lạnh dụng nước hâm, hâm nước mát,
Tắm no, gió chẳng thấm chơn-lông.*

BÀI THỨ MƯỜI BA.

潔 Khiết: Sạch.

13^e — 洗行 Tây hạnh: Nết giặt.

Cách giặt đồ đen thời nhờ vò xô cho kĩ, và vuốt dính, tà bầu, lai, cho ngay thẳng, mà bong trong nhà, hoặc phơi nắng dịu thời không phai màu. Còn giặt đồ trắng thời chà sà-bong cho đều, rồi gọt cho ra bọt, gọt hết sức mới vò, xả nước lạnh cho hết mùi sà-bong thời khỏi mục. Vắt thiệt ráo phơi cho đặng nắng mới trắng hơn. Kĩ thời hồ, ửi.

Cách vệ sanh: Ngồi giặt đồ lựa chỗ mát (bóng mát). Nếu da nắng, giặt rồi đồ ấy thời đủ đau. Đừng cọ gu tay nó lở.

THƠ RẰNG :

*Đồ đen giặt nước, trắng sà-bong (nấu với nước sà-bong),
Đen với đồ màu cứ việc hong.
Đồ trắng phơi ngoài, cầu đặng nắng,
Giặt ngồi chỗ mát nhớ đề-phòng.*

BÀI THỨ MƯỜI BỐN.

常 *Thường*: Có chùng.

14° 一出恭行 *Xuất cung hạnh*: Nết đại tiện (đi tiêu).

Cách đi đại-tiện, là tiện cho mình lớn lắm. Nếu bị thời đại bất-tiện quá, phải khốn ! Phạm đi đại, phải có cầu-tiên, dựa sông rạch thời nước chảy sạch sẽ. Vô ngồi trong cầu-tiên, coi cho ngay lỗ, đừng đại tiểu vấy cầu, sự ấy mà không xong, thời chẳng nên người. Nhứt là đừng viết vẽ tục-lưu nơi cầu-tiên, chùng chề chùng mắng; vì chỗ đó không phải sạch mà ngồi chơi cho lâu. Nếu nhà tiêu trên khô cũng đừng viết vẽ bậy. Song trên khô, thùng bay hơi hôi thúi bay sanh bệnh. Nên phải dùng khăn mũi thấm chút dầu-thơm, nghèo thời khăn xéo thấm chút dầu-gió, đừng đập mũi mà thở trong khăn, thời khỏi sanh bệnh. Giấy chùi phải có ý, coi thấy một nét chữ nho cũng không nên dùng. (Phạm gặp giấy chữ nho thời lượm, đi ngang cầu thả giữa sông lớn thời có phước, nếu đập dậm, hoặc chùi bậy thời tội mạng kiếp.) Dầu không giấy, tưng chùi lá cây cho kỹ cũng sạch. Ngồi có ý-tứ kéo rớt su-cắt. Nếu tới chốn nào không cầu-tiên (nhà-tiên) phải lựa chỗ mà ngồi cho khuất, đừng để bóng tam-quang giới vào, mà mang tội nơi trời. Cũng đừng theo tục-tệ: ngồi trơ-trơ ngoài bờ ngoài đồng, kẻ qua người lại thấy mặt, há chẳng thẹn sao ? Nói cùng đào đất (đào lỗ) theo cách ở giồng mà lấp cho khuất tịch. Cũng còn hơn phơi phần trên mặt đất : (tại bờ-đi) cho chùng thấy; càng tệ hơn mèo.

Cách vệ sanh : Đi đại đừng ngó (gục) xuống mà bịnh. Đương rặn nhớ cắn hàm răng cho chắc (chắc) mới khỏi nhóm chun răng.

THƠ BẰNG :

*Đại-tiện đừng gằm, bịnh khỏi sanh,
Chờ chùi chữ Hờn (chữ-nho) bị trời hành.
Tam-quang tránh bóng không nên phạm (trống thì che dù),
Hôi-hám nhờ khăn hít đừng thanh.*

BÀI THỨ MƯỜI LĂM.

便 *Tiện* : Dễ.

15° — 解手行 *Giải thủ hạnh* : Nết tiểu tiện (đi tiêu).

Cách đi tiêu-tiện, là tiện sự nhỏ cho mình, nếu bị cũng bắt tiện. (Tục kêu đại-biên-tiểu-biên sai. Vì thấy thuốc đọc tánh-đọc vị chi-tử, đọc biên cho theo vận phiên; nếu nói riêng thời lầm.) Tuy đàn-ông con-trai, cũng ngồi chỗ khuất mà tiêu. Chớ bắt chước đũa trây: đứng đông-dông nơi thập mục, đông coi mắt người thấy! Và phải tránh yếng tam-quang. Vua Nhơn-Tông đời Tống đi tiêu hay tránh trùn kiến, sử Tàu ghi khen ngợi lòng nhơn, các trò cũng nên noi dấu. (Nói đi tiêu, đi tiêu cho thanh.)

Cách vệ sanh: đi tiêu nhờ căn hàm răng cho khít như đi tiêu vậy, thời khỏi nhóm chun răng, không hêu không nhúc.

THƠ RĂNG:

*Tiểu ngồi khuất tịch tránh tam-quang (nhật nguyệt,
tinh-tú),*

Nhờ căn hàm-răng, bịnh khỏi mang.

Nói ít biết nhiều suy đủ lý,

Rặn, chun-răng nhóm, nhúc đing than.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU.

厲 *Lệ* : Rõ ràng.

16° — 語行 *Ngữ hạnh* : Nết nói.

Nết nói là qui hơn hết, việc chi trong bụng phải liệu trước rồi sẽ nói, dầu ai nghe cũng đẹp. Nếu vụt nói đại là xuất-ngôn vô-độ, thiên hạ nhieéc mà chê đời. Lời nói dịu ngọt khiêm nhường là qui, đừng nói hồ-đồ om-sòm, hoặc nói hờn, nói phách, nói lẽ, nói xâm, nói gạt, nói láo, nói gian, nói thêm, nói dèm, nói lừa, nói nịnh, nói trượt, nói hành, nói trây, nói tục, nói hót, nói bậy, nói huyền-hoặc phi lý, đều là thái-quá, làm cho chúng ghét chúng chê. Nếu nói dấp-dính, lấp-bấp, dẫn-lân, áp-ợ, dít kèn (nhựa), lẫn-nhẫn, ngập-ngừng, lập-cập, lặp đi lặp lại (cà-lắm).

lộ-lộ nghe không được không rành, đều là bất-cập, thời bị chúng cười.

Phải giữ bực trung, đừng mau đừng chậm. Con người khác hơn cầm thú tại tiếng nói. Bực thượng-tri là thánh, lời nói thông-thái, người ghi làm sách, để dạy muôn đời, như: đức thánh Khổng-tử; đức thánh Tăng-tử, đức thánh Khổng-tử-Tư (cháu nội Khổng-tử), đức thánh Mạnh-tử, đức Lão-tử, ông Trang-tử, ông Thái-công, vân-vân Bực trung-tri các vị hiền, như các đề-tử đức thánh Khổng-tử Châu-mậu-Thúc, Trình-minh-Đạo, Trình-y-Xuyên, Trương-kính-Phu, Tniệu-khương-liết, Châu-văn-Công (Châu-Tử, Bá-Lư), Tư-mã-ôn-Công, Tô-đông-Pha, vân vân. Còn các vị hiền khác đời sau kê không xiết. Còn như hậu-hiền nước mình: Xưa Liễu-trai-Đường đặt sách Tam-thiên-tự, cũn hơn Nguyễn-đắc-Tuấn đặt sách Huấn-mông. Sau Trương-vĩnh-Ký đặt sách Tự-vị, Huỳnh-tĩnh-Trai cũng đặt Tự-vị. Nay ông Diệp-thọ-Sơn cũng đặt sách dạy đời, với các vị đặt sách, đều là người hiền tài tế thế. Các sĩ-tử hậu sanh phải học theo lời các vị tiên-giác (tiền-bối, lớp trước). Tập lời nói cho thanh-nhã. Qui tại nói lời hay, không qui gì hay nói. Nói một lời có đức như các vị hội-đồng nghị cho ích nước lợi dân, thiên-bạ đều nhờ ơn thay mặt. Lời nói công bình không vị tiền, xa gần kính phục. Như Qui-Bổ một tiếng từ cầm đáng ngàn vàng. Nói một lời thông thái, trúng lý, có duyên, thời thiên hạ nhắc mà khen phục. Nếu nói phi lý, bất công, què tục, thời chúng cũng lưu-truyền mà khi hoai. Thà ít oi thì làm tỉnh, còn hơn nói vô-ích. Sự chi thấy quả, không quan hệ sẽ thuật lại, chuyện xấu của người đừng nói lam chi, ấy là nói-hành sanh ra đôi chối; chuyện đâu bỏ đó thời khỏi tiếng thị phi. Thà thuật chuyện-tốt sự-nên, tài-hay của người mà làm gương, gọi là dương thiện (truyền sự tốt, sự phải của người). Giấu sự quấy sự xấu của người, gọi là âm-ác, đều có phước đức; ở theo thánh hiền dạy thời không tồn đức mà khỏi oán thù. Trong cơn đàm-đạo; ai đươg nói thời mình phải làm tỉnh, đừng nói-lấp nói giành, mạnh ai nấy nói như sấm-nổ một lượt, gọi là lồi-đồng, nghe không đặng chi cả! Nói chuyện với người ngang vai sắp lên thời xưng là tôi, không phép kêu người bằng mày. Còn nói với kẻ nhỏ thời xưng ta, nếu xưng tao là xấu và què tục. Bạn học nhỏ hơn mình thời kêu bằng

trò, không phải chẵn-trâu, chẵn-bò mà mầy tao mi tớ ! Trò lớn hơn thời kêu bằng anh.

Trừ ra nói với người thân miab, thời xưng thiệt. Như nói với cha mẹ thì phải xưng con, nói với ông bà, cô bác thời xưng cháu, nói với anh chị thời phải xưng em, là cách thiệt tình mà nghe lịch sự, phải cách lễ-nghi. Nói với thầy, hay là người ngoài, thời khiêm nhường xưng là tôi. (Tôi cũng như tớ, đừng nói đót là tui, què lắm !) Phạm nói chuyện với ai cũng nói rõ ràng, không nên nói thãm nói nhỏ, e nghi mình nói hành ; hoặc nghi làm tội hại người, mà họ hại trước như Tào-Tháo nghi Lữ-bá-Xa nói nhỏ, và nghi dám làm heo, mà giết cả nhà !

Cách vệ sanh : không cho nói quá, đã rát họng và hao hơi.

THƠ RẰNG :

*Đều chi lựa trước thốt không lằm,
Chớ nói câu cao chớ nói thãm.
Phải quấy một lời, đồn khắp chỗ,
Chọn câu thông thái mới thãm-trãm.*

BÀI THỨ MƯỜI BẢY.

儀 Nghi: Khôn phép.

17^e — 問訊行 Văn tấn hạnh: Nết chào hỏi.

Khách tới nhà thời chào hỏi phải chấp tay cúi đầu, bực viên-quan thời bắm, hương-chức sắp xuống thời thưa trình, bực tôn trọng thời lột khăn (giở nón) mà xá Bà-con tùy theo thứ tự mà chào, ví dụ : « Thưa bác đi dạo, bắm ông (bè) đi dạo. » Đừng chào tiếng đi chơi là vô lễ. Không phải con-nít mà đi chơi. Trừ ra mình khiêm-nhường, xưng là đi chơi. Ví dụ người hỏi : « Chẳng hay anh đến có việc chi cần chẳng ? » Thì mình nói khiêm rằng : « Tôi đi chơi, chớ không có việc chi trọng. » Còn cách chào người ngoài đường cũng vậy, đội nón thì giở (lột), che dù thì nghiêng (trích), nghĩa là nghiêng dù ra khỏi đầu ; chớ đừng sập, chào thời phải đứng lại, đừng và đi và nói cầm chừng theo bực ngang vai. (Cũng như trong nhà lúc tương năm, thời ngồi dậy, đương ngồi thời đứng dậy.) Nếu đông người mà chào chung.

« Kinh mừng các ông, các anh, mấy bà hay mấy cô, v.v. ». Nếu chào chung vợ chồng người: « Bấm ông bà đi dạo. » Người ngang vai: « Chào hai ông bà. » Còn theo lễ người Lang-sa lại chào đàn bà trước, như: « Bonjour Madame, bonjour Monsieur. » Tối đời « Bonsoir... » đều là ngày lành, đêm tốt, tiếng chúc cho người. Như đông đàn ông thì đời: « Messieurs » v.v...

Còn lễ người Pháp bắt-tay là thân-hậu, song người lớn đưa tay mặt ra trước, mình mới dám đưa tay mặt để dưới mà nung lên. Chẳng phải là ngang vai, kéo tay giục-giặc mà giỡn. (Lễ Tàu với Annam, cấm bắt tay phụ-nữ).

THƠ BẰNG :

*Nghiêng dù chào khách lễ nhà nho,
Phận nhỏ lột khăn xá phẩm to.
Người Pháp cúi đầu. và giở nón,
Thường, thưa; chúc, bấm; mới nên trò.*

BÀI THỨ MƯỜI TÁM.

善 *Thiện*: **Hiền lành.**

18° — 笑 行 **Tiểu hạnh**: **Nét cười.**

Nét cười đàn-ông con-traí không lỗi. Song sự vui ngộ cũng cười vừa phải, chớ ré lớn vỗ tay đua chộ: là nét xấu xa. Còn nói với người lớn, hoặc phụ-nữ không nên cười, ma cũng đừng nhìn mặt. Sự dưng cười thời hở môi một thi.

Nét cười cũng quan-tệ lắm, nếu thấy ai mà cười, thời kẻ ấy nghi mình/cười họ, sanh ra thù oán, chi bằng ít cười là qui. Làm lớn dụng đầu cười đó, thời mất oai nghi. Nên ông Bao-Công nghiêm-nghị, trọn đời cười chẳng mấy lần, e kẻ dưới dễ-người khó trị. Đức thánh Khổng-tử dạy rằng: « Người quân-tử sắc diện như vậy: Ở xa ngó thấy nghiêm-trang, lại gần thấy mặt vui-vẻ (không làm bộ quạu-quọ). Hỏi thời nghe lời, nói rõ-ràng ranh-rẻ. » Như vậy chẳng nên cười giỡn e mất oai-nghi. Cách mỉm cười là tốt hơn hết, vì cười nội cái môi, bày răng một chút mà thôi. Nếu nhả răng há miệng ré lớn như lười-uơi, bộ cười ngất xấu lắm.

Cách vệ sanh : Cười mỉm-chỉ thời không hao hơi tổn tiếng. Cười ngất cũng nôn ruột và mệt, chần miệng mỗi ngạt-kéo.

THƠ RẰNG :

*Nhạy miệng hay cười chùng đẽ người,
Nghiêm-trang tề chỉnh mới nên người.
Mặt-mày vui-vẽ đừng buồn bực,
Ngộ quá bày răng, miệng mỉm-cười.*

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN.

怡 *Di* : Vui vẻ.

19^o — 喜行 *Hỉ hạnh* : Nết mừng.

Nết mừng là làm mặt vui-vẻ hơn hở niềm-nở, chớ học thói mừng quính nhảy nhót như chim sẻ-sẻ, gọi là tước-dược. (Sẻ-sẻ mừng hay nhảy cà-tửng). Cũng đừng la hoảng: «Ủy!! cha-chã!» làm cho người giật mình, như nết sợ hết hồn hoảng-hốt. Việc chi có mừng quá, thời mừng thăm trong bụng ma thôi; bày sắc vui-vẻ cũng hiếm, chớ như trí ông Lưu: hí, nô bất hình ư sắc, mừng giận cũng không bày nơi sắc diện. Trừ ra người thân thiết, thời vội-vã nói cười, mừng cách tinh hậu.

Cách vệ-sanh : Không cho mừng thái-quá, e tổn trái-tim. Sự vui quá thời động lòng tổn tâm, không bằng thanh tịnh cho an lòng thời không hay sanh bệnh. Song mừng quá, tổn nhẹ hơn giận.

THƠ RẰNG :

*Việc chi đặc ý cũng nên mừng,
Nghĩa thiết vui cười, quính đã ưng.
Nhảy nhót làm chi như sẻ-sẻ,
Chớ quen mừng hối bĩ không chừng.*

BÀI THỨ HAI MƯỜI.

威 *Oai* : Nghiêm nghị.

20^o — 怒行 *Nộ hạnh* : Nết giận.

Nết giận là xấu lẫn, vì nội xung như say rượu, bối-rối trí khôn, nên noi nhiều lời làm lỗi; khó nổi dần lòng. Lời

tục nói: « No hết ngon, giận hết khôn. » Hiền xưa nói: « Ngu đục sanh hờn giận, vì không nghĩa lý. » Lưu-Hội nói: « Có hai thứ giận, thứ nứt giận theo lẽ nghĩa, gọi rằng đại-dũng. Thứ nhì giận theo khí huyết thì gọi là tiểu dũng. » Cách giận huyết-khí là quấy là đại, đã nói trên đó, thời rán mà dẫn. Còn giận lẽ-nghĩa thời phải, là việc đáng giận mười phần, cũng đừng nóng, đừng bày màu quau-quọ, giữ sắc nghiêm-nghị, giận nội trong trái-tim mà thôi; chớ cho ai biết. Còn lời nói hòa-huấn hơn lúc thường, chẳng nên cả tiếng nói mau, theo cách giận huyết-khí, thậm chí đánh lộn quá tay; mới chun vô khám; giận quá nư đánh chết người, phải bị xử tử! Ông Lữ-cư-Nhơn nói: « Làm quan còn phải răn nết giận dữ, nếu không dẫn là hại mình, chớ chẳng phải hại ai. » Là vì giận đánh trọng thương mà mình mất chức; nếu rủi đánh chết, mình phải bị hình nữa. Nên nhà-nước nghiêm cấm sự đánh khảo người, là sợ giận quá nư mà đánh sây tay. Cách giận lẽ-nghĩa, lấy lý làm hơn, chớ không phải dậm hét theo cách huyết-khí là hơn, ấy là chuốc lỗi cho mình. Ông Khấu-lai-Công nói: « Say rượu nói xàm tỉnh rồi chịu lỗi. » Nết dẫn lòng nói mực thước là trúng cách. Sách Trung-Dung nói: « Chưa mừng giận buồn vui, tự nhiên trong lòng, chẳng thái-quá bất-cập, là chữ trung. Tới bày ra sự mừng giận buồn vui, đều trúng cách, là chữ hòa. Giữ đặng chữ trung hòa, theo nết thánh hiền quý lắm, thời khỏi bị tai họa. »

Cách vệ sanh: Đại cấm sự giận, giận thời vọng hỏa tồn can, (hại lá gan phải bệnh). Có kẻ nư giận quá bắt run phát lãnh, té xiu chết giắc! Nên tập tánh đừng nóng nảy, thời không sanh bệnh. Nứt là rượu nóng vọng hỏa, giục cho giận dữ, nên uống vào nóng ngũ-tạng lục-phủ, đỏ mặt, rối trí khôn như điên, nói lảnh sanh dữ, lại trợ hỏa sanh đàm; làm cho mau chết. Nếu say quá nhiễm gió chết liền, không đợi số.

THƠ RẰNG :

*Đừng giận là khôn, giận phải đều,
Dẫn lòng nói diu, chớ lời khêu.
Om-sòm thì lỗi, tranh thời họa,
Giận tức hư gan, sách thuốc nêu.*

BÀI THỨ HAI MƯƠI MỐT.

感 *Cảm* : Động lòng.

21^o — 哀行 *Ai hạnh* : Nết buồn (khóc).

Nết buồn, nết khóc là sự sở bức, trừ ra sanh ly tử biệt (chia sống lia thác), kẻ cư tang mới khóc. Sự khóc là hung, hệ như vậy! Nếu việc sở bức tâm-thương, không nên ai-bi, mỗi chút mỗi tủi mỗi khóc) là thói con-nít nên năn nên ba, khuyên chớ làm nết ấy? Bày sắc buồn cũng đủ rồi. Nết khóc chẳng nên rống lớn thái quá. Cũng đừng khóc dỗi như nàng-dâu bất hiểu giả-đò khóc om-sòm, mà không có chút nước mắt! Cứ la khan kẻ-lẽ.....mà làm mặt hiểu với chồng!

Cách vệ-sanh : Sự khóc là hại : khóc quá hư con mắt, mà mau chết nữa. Còn sự rầu buồn cũng độc như vậy : nó làm cho hao tổn tinh-thần tạng-phủ, không thuốc trị phải chết. Nếu có sự đáng buồn, phải làm khuấy lảng, thả rán lo thời xong việc, chẳng phải rầu buồn mà khỏi? Biết nhiếp-dưỡng cứ kiên thời không chết gấp, vì lo rầu quá tâm-sầu-bạch-phát, tâm hư thời tóc bạc, ấy là điềm gần chết, có biết ghê chảng?

THƠ RẰNG :

Thất tình buồn-bực ốm xanh xương!

Khóc quá thời dui, ấy lẽ thường.

Tóc bạc vì rầu, tâm huyết kém,

Ưu phiền sanh bệnh, chớ tư lương.

BÀI THỨ HAI MƯƠI HAI.

道 *Đạo* : Phải lẽ.

22^o — 樂行 *Lạc hạnh* : Nết vui vẻ.

Nết vui chơi chẳng nên thái-quá. Kinh-Lẽ nói : « Bấy cái tình, là: mừng, giận, buồn, vui, thương, ghét (sợ), muốn, không dạy cũng hiểu, không học mà biết. Ấy là tánh tự-nhiên trời phú. Nếu chẳng thái-quá, thời đặng trung-hòa phải cách không trái lẽ. Sự vui trúng cách là : tùy theo

bồn phận mình, cứ vừa sức làm ăn không hoành thân hoại thể (hành thân hại thể), vọng tưởng đua bực trên, mơ ước sự không có, cho mệt lòng phiền muộn. Đức thánh Khổng-tử nói : « Sầu giàu sang thời dùng theo bực giàu sang. Gặp lúc khó bèn thời dùng theo bực khó hèn. Ở ngôi trên chẳng hiếp bực dưới. Ở bực dưới không trèo-đèo ngôi trên. Nên người quân-tử gặp cảnh nào cũng vui, không trách trời hèn người mà buồn rầu chi cả. » Đức Lão-Tử nói : « Con người ta tại biết đủ, thời lòng không tham, nếu gọi còn thiếu thời tham mãi không cùng : có một muốn mười, có mười muốn trăm, vân-vân. Mua gần hết ruộng thế-gian, cũng còn gọi thiếu, mà chưa vừa ý ! » Kẻ không biết đủ, dầu giàu sang cũng rầu lo hoài. Chức thái-sư (thừa-tướng) cực phẩm là tốt bực, mà chưa biết đủ, mong tiếm ngôi vua mới chết hết cả nhà ! còn người biết đủ, dầu nghèo nàn cũng vui : mình đừng sánh bực trên, cứ so bực dưới mình, thời mới biết đủ. Không tham nữa thời khỏi rầu lo thái-quá, nên bực nào cũng an lòng vui-vẻ, không phân bì phàn-nàn. Bồn phận mình làm nghề gì, thời vui theo cảnh ấy ; miễn no ấm thời là đủ rồi. Người quân-tử vui phải cách như vậy, gọi là an-lạc. Lời xưa nói : « Nghèo trong thường vui vẻ, giàu đục cứ lo rầu. » Vì lòng mong thái-quá, chẳng biết bao nhiêu cho đầy cái túi tham không đáy ! Ấy là bất-cập không hưởng sự vui, hại mình cho mau chết ! Còn kẻ tiền như lại vui vô-độ thái quá như vậy : vui tửu sắc vô độ, ngày nào đêm nấy cũng tiệc rượu say-sưa, hút xách, thả theo lầu-xanh hoa-nguyệt, hoặc theo âm nhạc ca hát luông tuồng không biết nhàm. Thậm chí bài-bạc ăn xài thái-quá, lãng phí vô cùng. Hoặc mê sa săn-bắn, không cần nghề nghiệp làm ăn ; bỏ phế gia đạo-Lại còn tham vui bỏ trẻ phận sự, như bợc trò tham vui phế việc học. Kẻ lam ăn ham vui bỏ công việc. Đều lỗi đạo trung-dung, vì thái quá cũng tệ như bất-cập.

Cách vệ sanh: Răn việc tửu sắc, bài bạc ghiền gập, vui chơi vô độ, là sợ hao tổn tinh thần, chết yểu không đời số !

THƠ RẰNG :

*Vui chơi thái-quá lụy trăm bề !
Sanh sự vì đâu, tỉnh chớ mê.
Từ sắc đờn ca quên sự nghiệp ;
Bỏ công việc chánh, bị người chê !*

BÀI THỨ HAI MƯỜI BA.

厚 Hậu : Có hậu.

23^e — 愛 行 **Ái hạnh** : Nết thương yêu.

Trời phú tánh yêu thương (thân) cho người là nhơn. Thử nhứt (thân ái) thương cha mẹ (ông bà), anh chị em cháu, cậu cô chú bác. Kế đó thương xót kẻ nghèo-nàn tàn-tật vô phước, rũi ro..... gọi là lòng nhơn-ái, nết tốt có hậu. Còn các sự thương yêu mất phép công bình, gọi là thiên ái (thương cách riêng.) Như thương con đứa nhiều đứa ít, vắn-vắn. Còn tà-ái là thương bậy.....

Cách vệ-sanh : Cấm tà-ái, không cho thương bậy tổn tâm.

THƠ RẰNG :

*Thân-ái cùng nhơn, hậu lễ thường.
Chẳng nên thiên-ái mắc tai ương.
Cấm đều tà-ái (nịch-ái) đừng thương cha,
Bị bịnh thất tình (tình-ái) thấy bỏ xương !*

BÀI THỨ HAI MƯỜI BỐN.

耿 Cảnh : Thiệt.

24^e — 惡 行 **Ổ hạnh** : Nết ghét (gớm, không ưa).

Nết ghét phải lẽ là ghét sự quấy, sự xấu, không ưa đồ xấu sự hại, gớm đồ dơ, mùi hôi. không ưa đứa gian-tà, tham lường, láo, bòn. Thánh hiền cũng ghét như vậy. Còn nết ghét trái cách là: ganh ghét người hơn mình (ganh hiền ghét ngỗ.) Mình làm quấy, người nói ngay thời ghét. Vay mượn không đặng cũng ghét. Mắc nợ người đòi

cũng ghét, Rủ người làm quấy, người không chịu nhập bọn cũng ghét, đều là nết xấu, phải chữa.

Cách vệ-sanh: Đề lòng thông thả, không bất bình, chẳng nên giận ghét. Vì sự ghét cũng tổn bằng phân nửa sự giận.

THƠ RẰNG :

Gồm mùi hôi-hám, kẻ tình ma.

Việc quấy không-ưa cứ lánh xa.

Chớ khá ganh hiềm cùng ghét ngõ, (ngõ là người trí).

Ghét hư là chánh, ghét nên tà.

BÀI THỨ HAI MƯƠI LĂM.

決 *Quyết*: Nhứt định.

25° — 欲行 *Dục hạnh*: Nết muốn.

Nết muốn cũng có phải có quấy. Muốn phải là: muốn thì đậu nên cần học. Muốn có của nên siêng làm. Muốn khỏi nghèo, nên không dám lãng-phí, cứ lo tiết kiệm (lo hậu.) Muốn trả ơn nên rán làm cho ra của, hoặc chẳng nệ công; đều là muốn phải. Còn muốn quấy là: tham-gian, muốn lấy của người mà làm của mình cho giàu. Muốn xô người ra mà cướp sở làm ăn, như trông người thác mà lên chức. Theo bài bạc muốn ăn của người. Muốn gạt người mà lấy của. Muốn tổn của người (hại người) cho mìnhặng lợi. Hoặc tham quá mới sanh ra bất nhơn thất đức; theo loài đạo tặc, đều là lòng nhơn-dục tham muốn bậy, mà bị tai nguy. Ông Châu-tử đặt sách Cận-Tư có câu rằng: « Theo lẽ trời thời không tìm lợi, mà từ-nhiên có lợi. Theo ý riêng tham muốn, thời cầu lợi, chưaặng lợi mà bị hại! » Phàm muốn việc chi phải hỏi cái lương-tâm chịu thời làm, nếu lương-tâm cản, thời đừng làm, mới khỏi lòng nhơn-dục (muốn riêng).

Cách vệ sanh: đại kị lòng tham muốn quấy, vì sự tư-dục nó làm cho phải toan mưu yêu kế quỉ, mà hại tinh-thần, dầuặng việc rồi thời kế chết, có ích chi đâu! Chừng đó mới ăn-năn đã muộn rằng: « Phải hay như vậy, để dưỡng tinh-thần, còn sốngặng lâu, không tới nỗi chết gấp. »

Biết khôn thời gần xuống lỗ, chi bằng an phận, đừng vọng tưởng sự quá bồn phận, dưỡng tinh-thần cho đặng sống lâu; khỏi vì danh lợi mà khốn!

THƠ RẰNG :

*Muốn phải trời cho đặng phỉ nguyên,
Muốn sang thời học, muốn giàu siêng.
Muốn giành muốn giữt đều mang hại,
Người chết vì tham, cố bạc tiền.*

BÀI THỨ HAI MƯỜI SÁU.

防 Phòng : Ngừa.

26° — 畏 行 Ủy hạnh : Nết sợ (kiên dè).

Nết sợ là qui lắm, biết kiêng-dè sợ hại, thời khỏi tai họa. Biết kiêng-sợ trời đất, cha mẹ, vua chúa, thầy dạy, thời khỏi tội ngũ-nghịch, mà tròn ba ơn cả. Đức thánh Khổng-Tử nói: «Quân-tử có ba đều đáng sợ: sợ lệnh trời, nên giữ lương-tâm. Sợ kẻ làm đầu, nên không dám thất lễ với người bề trên. Sợ lời thánh dạy, nên làm việc chi e lằm lỗi. Còn đũa tiêu-nhơn không biết oai trời (phép trời) nên chẳng sợ, muốn làm ngang nào đợc ngang nấy. Lờn người làm đầu. Khinh dè lời ông thánh dạy.» Như vậy nết sợ trúng lý thời là qui lắm. Còn sợ bậy thời phải răn, kể ra sau này: Sợ tội mà cứ làm lỗi phạm luật! Sợ chết mà không giữ cách vệ-sanh. Việc không đáng sợ mà cột thỏ theo sau lưng, như ban đêm không dám ngủ một mình! (sợ ma). Có khác nào người nước Khởi sợ trời sập! Lại còn sợ chết, theo bóng chàng đứng cản thế mạng, tin dị-đoan sợ bậy! Phải chừa sự sợ phi lý.

Cách vệ-sanh: Chẳng nên cho sợ mà giữt mình sanh bệnh, vì sợ quá phải chết. Như kẻ sợ vật chi, nếu bắt mà nhát, sợ quá cũng chết điếu. (Con-nít ngu, sợ ăn-trộm!)

THƠ RẰNG :

*Khép nép kiêng-dè khỏi lụy thân,
Nhớ ba đều sợ, giữ ân cần.
Chẳng nên sợ đại lo trời sập!
Không sợ là ngang, họa tới gần.*

BÀI THỨ HAI MƯƠI BẢY.

明 *Minh* : Sáng.

27^e — 視行 *Thị hạnh* : Nét ngó.

Nét ngó ngay thẳng, đừng liếc qua liếc lại, vào nhà người càng giữ hơn nữa. Nhứt là chẳng nên ngó mặt phụ-nữ lắm (nhìn mặt), e mang tiếng tà vạy. Đừng ngó những điều trái lẽ. Sự coi sách cũng xem vừa phải, đừng coi lâu quá tổn tâm huyết, phải yếu mắt. Đương bệnh cứ coi sách, e vọng hỏa.

Cách vệ-sanh: Kị coi sách ban đêm, nhứt là đại kị khói đèn. Đèn dầu-lửa càng độc hơn nữa. Chớ dùng đèn trần, phải dùng ống-khói chụp, mới khỏi lờ con mắt. Đừng dùng dầu chử thập khói lắm, tuy rẻ mà hao. Xét lại tổn như các thứ dầu Huê-kỳ mà bị khói nhiều. Cấm coi sách tục, bình tục, và chữ nhỏ quá !

THƠ RẰNG :

*Ngó coi ngay thẳng nhắm nghiêm trang,
Liếc sắc làm chi mắc tiếng gian.
Xem sách có chừng, đừng ngó quyết,
Khói đèn vô mắt hại mau làng.*

BÀI THỨ HAI MƯƠI TÁM.

聰 *Thông* : Tò tai.

28^e — 聽行 *Thính hạnh* : Nét nghe.

Nét nghe phải cho hiểu. Tai nghe thời lòng xét lý phải quấy : nghe lời phải thời nhớ có ích. Nếu lời trái lẽ... thời đừng nghe cùng chẳng đã không thể bỏ mà đi, thời gởi ngoài tai.

Cách vệ-sanh : Tai nghe âm nhạc rầy rà, thời thần-hồn không an. Nhứt là đừng nghe lời quấy mà hư rết, tổn đức.

THƠ RẰNG :

*Một lời nói phải đáng ngàn vàng,
Nghe lọt vào tai thấm ruột gan
Tục-sĩu chớ nghe lòng khỏi loạn ;
Lính xa âm-nhạc phách hồn an.*

BÀI THỨ HAI MƯƠI CHÍN.

香 *Hương*: Thơm.

29^e — 聞行 *Văn hạnh*: Nết hửi

Nết hửi mùi thơm là sự phải, song có các điều hại, kể dưới đây: các bông thơm thường có sâu nhỏ, nếu không bao khăn mà hửi, e bị trùng độc ăn lỗ mũi. Nếu để các mùi hôi thúi, tanh khai vào mũi thấm phổi, cũng sanh bệnh. Không nên hửi mùi độc. Nếu gặp mùi hôi thúi, thời lấy dầu-thơm (dầu gió) thấm khăn, đập mũi mà thở, thời khỏi hít hơi độc ấy. Lông mũi không nên cạo nhỏ, để ngăn trùng độc bụi cát.

Cách vệ sanh: Đương mệt không nên hửi mùi thơm, vì mùi thơm làm cho tan hơi mau chết. Trừ ra nghẹt mũi, nháy mũi hit ống Bạc-hà-băng (tục kêu ống Long-nảo) và hút thuốc.

THƠ RẰNG :

*Hoa thơm muốn hửi phải bao khăn,
Dầu-gió dầu-thơm giải uế hăng.
Đương mệt kị thơm, hơi biến mất;
Nghẹt cùng nháy-mũi, bạc-hà băng.*

BÀI THỨ BA MƯƠI.

守 *Thủ*: Giữ gìn.

30^e — 執行 *Chấp hạnh*: Nết cầm (bung).

Phạm cầm bung vật chi, cũng giữ gìn cho vững-vàng, thời không xao tạt, đồ bề. Sách Lê-ký dạy: «Cầm bung đồ lưng cũng coi như đồ đầy.» Rất đồi bung lưng voi còn giữ như vậy, đầy càng kỹ hơn, không dám nghiêng động; đi êm như sê-lén. Lòng kiêng-dè dặng như vậy, thời chẳng hề đồ bề bao giờ. Suy ra chùi rửa món chi cũng êm-ái, không dám nặng tay, thời khỏi kờa khỏi mẻ: khỏi hư hại tổn hao. Như chấm viết-tây mà không động mạnh, thời lâu tà, lâu rề Chấm viết tàu mà lãn êm không chà-xát, thời lâu cùn lâu hư; nếu ngòi khô cứng, muốn cho mềm thời ngâm nước, đừng đập đừng động. chớ bắt chước

các trò què, nhăn mút ngòl viết, miệng lem-luốc như thảng hề! Nói ít biết nhiều, suy ra các việc, kiêng dè cứng dưỡng.

Cách vệ sanh : Cầm, bung, xách, vác, gánh. đội vật chi, cũng độ cho dư sức, cùng chẳng đã vừa sức là quá. Đại cầm sự rần cho hết sức, làm hại gân cốt, mệt sanh bệnh tức.

THƠ RẰNG :

*Cầm lưng (vời) gìn giữ thể bụng đầy,
Không bẻ không xao khỏi tiếng ngầy,
Gánh vác đội kiêng đừng rần quá,
Khỏi tê khỏi tức, khỏi cầu thầy.*

BÀI THỨ BA MƯƠI MỐT

動 Động: Cử động.

31° — 走行 Tẩu hạnh: Nét chạy.

Trong đời các nét đều chấp-kinh nên nho-nhả. Trừ ra nét chạy là tưng-quyền. Cơn bình thường nét chạy là xấu, nên không làm trước mặt người. Song phải tập cơn một mình, năm ba lần cho biết cách thế: như tập leo, tập lồi, tập lặn, phòng khi ngộ-biến mà trách sự hại nhứt thời. Nét chạy phải coi dưới chơn, nếu vấp vật chi cũng té. Chạy thời hai cánh tay phải thúc lia mà lấy trớn; như cá bơi vậy. Song biết mệt thời chạy vừa-vừa mà nghĩ hơi, kéo lỏng tim mà trào máu; lỏng phổi mà sanh tức. Mỗi lần chạy, đều mệt sức hao hơi, nên cơn thường đại cầm. Trừ ra bị trâu rượt thì chạy vòng; nó trở mình theo không kịp, nếu chạy ngay nó phóng theo phải chết. (Rắn rượt cũng chạy vậy.) Nếu mình đương đi, cây ngã xuống, hoặc vật chi rớt ngay mình, thì nhảy trái, chạy ngay. Thú dữ thì leo cây, người-diên, chó-dại rượt cũng vậy, hoặc và chạy và la cho người tiể, nhắm nhà người mà chạy vô. Còn cách chạy lửa: nhắm cho ngay, rồi nhắm mắt nín hơi mà chạy, hớp bằng miệng, thở ra mũi. Nếu mở mắt thì cay con mắt, hít khói vô mũi ngột và sắc phải nhào; chạy ra không khỏi. Còn leo đừng tập leo cao, leo thấp cho khỏi hại mà thôi, phải ôm bịn cho vững. Trừ ra gặp thú dữ, thì cứ theo cách thế mà leo cao nhứt thời. Nếu cơn thường hay leo cao, một năm may, e một ngày

rủi! 99 lần vô sự, rủi té một lần cũng đủ chết! Dầu không cũng mang tật bệnh, uổng công cha mẹ sanh thành nuôi dưỡng! Còn tập lội thì lội rạch cạn, đừng ra chỗ sâu ngập mũi, độ nước dưới cổ mà thôi. Tập lặn cũng vậy. Đến quen rồi, sức lội lặn ngang sông lớn cũng đặng, mà chẳng nên làm, vì e chết trôi oan mạng, đề phòng khi bị chìm ghe, hoặc rủi té sông, sẽ rón sức lặn lội cho khỏi chết. tập nhảy cũng nhảy thấp, nhảy gần, tập cho biết, phòng khi gặp sự biến mới dùng, thường dùng e thiệt hại.

Nói cùng một điều này, mà cứu kẻ không biết lội lặn hoặc tập lội lặn mà không đặng. Rủi bị té sông, biết cách trước, thời chắc mình khỏi chết trôi. Rủi té xuống sông, níu ghe không kịp thì nín hơi co chơn đạp dưới nước cho mạnh, thời trôi vọt lên khỏi mặt nước, kêu người vớt, hoặc đưa sào chèo cho mình níu. Nếu nổi lên không tới mặt nước, chẳng thấy phía nào gần mé, mà lội ngằm-vô cho mau. Thời cho nó chìm xuống đáy sông, cứ nhờ hóp nước, mà lấy hơi vô rồi thở ra mũi, như vậy luôn-luôn. (Nếu hít nước vô lỗ mũi thì sặc mà chết!) Nghe nước chảy phía nào, nếu nước chảy đăm hông thời đi ngằm riết vô tới mé. (Nếu nước sau lưng chảy tới, hoặc trước mặt chảy lại, thời day sứa mình xây qua, lờ cho nước chảy nhằm hông, thời mặt day ngang mé, sẽ đi sấn vào bờ.) Sông lớn bọc nào, nuốt gần trăm hóp nước nhỏ mà lấy hơi, thở ra cũng gần trăm hơi. đi ngằm phải tới mé, miễn ló mũi thở đặng thời khỏi chết, kêu người vớt, hoặc lặn níu cây cỏ mà lên mé. Ấy là không biết lội, học theo trí cao mà khỏi chết, bắt quá lên chọc cổ mửa nước ra thời xẹp bụng. Trí này mẹ ta dạy hồi nhỏ, nay nhắc lại ngằm ngùi!

Cách vệ sanh: Đại cấm sự chạy sự nhảy, vì xao xiển ngũ tạng lục-phú, làm cho nôn ruột nôn gan. Chạy lúp-xúp thời vô can, chạy mau sanh bệnh tức, thái-quá phải trào máu!

THƠ RẰNG:

*Nết chạy từng quyền tránh hiểm eo,
Đỡ khi rắn rượt hoặc trâu theo.
Cơn thường đại cấm đừng leo chạy,
Xấu nết, hao hơi, té bệnh nghèo!*

BÀI THỨ BA MƯƠI HAI.

細 Tê: Kỳ cang.

32^e — 掃 行 Tảo hạnh: Nết quét.

Nết quét tức thuộc về việc tiểu-học. Ở nhà thời quét nhà, đến trường thời quét trường, nhằm thàng nắng, chỗ nhiều bụi còn phải rưới (rảy) nước cho hạ bụi rồi quét, nên gọi là rưới quét. Ông Châu-tử đặt bài gia huấn, trước hết dạy: « Ban mai dậy sớm phải rưới quét trong ngoài cho sạch sẽ. Tối lại đóng cửa cho chắc chắn. » Trước hết quét trên bàn, ghế, ván, giường bằng chổi đót, cho bụi rớt xuống. Rồi mới lấy chổi lớn quét nền, cách quét thời phải dờn dờ, quét sạch rồi sắp lại, đừng làm biếng chừa chỗ đó, mà quét xung-quanh; gió lớn phải khép cửa. Cách một đôi thàng phải cột chổi vô cây dài, mà quét bỏ-hóng văng-nhện trên nhà, phải đội nón thối lui mà quét.

Cách vệ-sanh: Phòng ngủ thường ngày nắng quét, nếu, đê bụi đóng lớp lâu lớp mới, nó hóa trùng-độc, ban đêm vô mũi thời mê tâm, thấy chiêm bao như ma quỷ! chửa ngủ phải chong đèn đốt nhang-thơm cho tan âm-khí, vì buồng gói không có thể cho nắng(khí-dương) chiếu vào. Nếu nhà ngoài thời mở cửa cho yểng-sáng chiếu vô, loài trùng-độc mới chết, thời không sanh bệnh. Song phải tránh, đừng cho nắng giọi nhằm mình mà cảm-mạo, nắng giọi độc lắm, không phải hiền như nắng ngoài đồng (ngoài trời).

THƠ RẰNG :

*Quét nhà, quét ghế, quét nền sau,
Quét tới thêm sân sạch một màu.
Thứ nhất trong phòng nắng quét dọn;
Bụi như âm-khí quẩn tà đau.*

BÀI THỨ BA MƯƠI BA.

才 Tài: Tài năng.

33^e — 學 行 Học hạnh: Nết học.

Nết học là cội rễ con-traí, bởi tứ dân (bốn nghề) là: Sĩ, nông, công, thương. Thứ nhất học-trò nghệ văn; thứ

nhì làm ruộng rầy, lập vườn; thứ ba các nghề làm thợ; thứ tư buôn bán, trừ hàng hóa (nghề cổ). Phải là nghề sĩ đứng đầu chăng? Vì ba nghề kia cũng nhờ học chữ nghề sĩ, mới làm lớn việc. Nghề sĩ là tư vua, quan, các viên chức lớn nhỏ, và thầy giáo ngoài, thầy thuốc ngoài; cũng còn sang trọng; người đều tôn kính là thầy. Nên ai có con cũng cho đi học.

Trước hết nhờ ơn nhà-nước mở đường giáo hóa, lập trường dạy thí khắp nơi và nam và nữ, mở mang trí hóa. Vậy các trò phải biết ơn nhà-nước, thương-yêu lo-lắng cho mình, học giỏi nhà-nước còn nuôi cơm nữa... May thi đỗ chánh ngạch, thời vinh hiển sang giàu. Rủi rớt kiểm sở ngoài ngạch cũng có tiền lương. Dầu làm thầy ngoài, cũng khỏi hành-hài, quan yêu dân chuộng. Nói cùng, ra làm lang mà hay chữ, cũng mau lên chức lớn, (đi lính cũng vậy.) Ai nấy đều ngợi khen. Trừ ra làm biếng, học dở tệ, làm sở ngoài cũng không đặng, ở bồi cũng không xong, thiệt là vô dụng! Phải học theo ba nghề sau... Nếu học trò muốn nên danh phận, thời phải siêng học, đại kỳ làm biếng và ham chơi. Vậy thời thường đêm thức học tới mười giờ khuya, buồn ngủ sẽ ngủ; nếu chưa buồn ngủ; học rần phút nào đỡ phút nấy. Đến năm giờ thức dậy (sớm hơn càng tốt), súc miệng rửa mặt rồi, thắp đèn học ôn bài vở cho tới sáng, tắt đèn học rần, cho tới giờ đi; sẽ sắp sách vở vô cặp, thay y-phục, thưa trình cho người-lớn trong nhà hay rằng mình đi học. Bất luận xa trường gần trường, tới trường còn một khắc (15 phút) mới đánh trống học thời vừa. Lúc tới trường vào lớp cất đồ, lo đi đại tiểu, đặng tới giờ mà học cho sòng. Tới giờ sắp hàng có thứ-tự, không nên nói chuyện cười giỡn, vào lớp đứng hầu, thầy cho ngồi sẽ ngồi. Không nên chạy xạo, e chúng vu-oan ăn cắp đồ, mà mang xấu. Ngồi lặng trang mà nghe thầy giảng dạy; không nên nói chuyện giỡn cười. Nếu thầy cho bài trên bản, thời chép kĩ-cang, như tuồng chữ thầy; không sai kiểu ấy. Nhắm phiên mình thời đọc, chưa tới phiên mình thời lóng tai mà nghe thầy thích nghĩa trò khác, mình cũng hiểu rồi. Nhắm cơn rảnh thời xem bài vở, suy xét nghĩa lý, và lặp thàm cho nhớ mấy câu quên. Nếu thầy gọi (kêu)

tới tên mình, thò dạ và đứng dậy (toặc lên hầu dựa bàn thầy); mà nghe giảng dạy Thưa nói dứt việc, rồi mới được ngồi. (Thầy bảo xuống thò cúi đầu, rồi lui xuống.) Đi ngang bàn thầy, cũng cúi đầu. (Như đi ngang trước mặt các vị lớn vậy.) Tới giờ chơi, sắp hàng ra đi tiêu (đại), hoặc ăn bánh uống nước lót lòng, chớ ăn đồ chua sống là vật độc; sanh bệnh ầu-tả. Nhứt là đại kỳ trong mùa nắng. Chơi trong nhà mát, đừng dạn nắng mà bệnh. Đừng chơi dờ mà lấm áo quần, hoặc giỡn trứng cho rách y-phục. Chạy rượt rũi té mà mang tật bệnh. Đừng tập cờ bạc mà lãng việc học, e quen tay, sau thua hết gia sản, phải bị nghèo nàn! Có nói chuyện cũng giữ lời lễ-nghĩa, đừng gây-gỗ đánh lộn mà bị phạt. Tránh đùa hồn hào xác-xược hung-dữ. Lựa trò tốt nét mà làm bạn-thiết, nhắc bài vở, và sửa lỗi cho nhau. Phải biết giờ chơi là cho xả hơi, kéo ngồi lâu cuống cẳng, nghỉ khỏe đặng vô học cho phấn-chấn. Nếu giỡn mệt thòi quên hết, vô lớp bị mệt thòi thua chúng. Mãn giờ chơi vào lớp, học rút cho tới tan học. Đội nón sắp hàng ra về, đi ngang thầy, phải dờ nón. Gặp người lớn phải chào như lúc đi học và ở nhà vậy.... Về tới nhà, dờ nón trình diện cho người lớn hay rằng mình đi học đã về. Người lớn ừ, thò dạ rồi mới cất đồ. Thay quần áo cũ, sẽ ăn cơm. Giúp việc cho cha mẹ rồi.... Lo học bài vở mới cho thiết thuộc lâu rành-rẻ. Dư giờ lo giặt quần-áo cho cha mẹ, mà báo hiếu ít nhiều (sự báo hiếu mỗi ngày phải có). Độ giờ đi học buổi chiều, cũng như buổi mai vậy.... Chiều về ăn rồi, lo đèn dầu, đóng cửa, dọn phòng-ngủ cho cha mẹ (ông bà). Rồi học cho tới ngủ, nếu thứ năm, chúa nhật, ngày lễ, tắm gội giặt đồ, rồi lo học ôn bài vở cũ, và suy xét ra bài mới, mỗi câu bài cũ, đổi ra trăm câu, mới mở mang trí hóa. Phải biết, công dạy nhờ thầy, công tập tại mình, không phải thầy học thế cho mình đặng? Nên đừng ham chơi cứ cần học như vậy trong hai kỳ bãi-trường, đến tựu trường chắc giỏi bằng hai. Cứ theo ý này, học chắc nên danh. Còn các sách học có dạy trí hóa tài-năng, các trò xét suy, siêng học thòi sẽ thi đỗ.

Cách vệ-sanh: Đã biết sự học là quý tại cần, song rần quá sanh bệnh, Buồn-ngủ đừng học rần. Mỗi mệt quá phải

nghe, Nghe, lâu mỗi thời đi (năm), giữ bực trung thời khỏi
bịnh.

THƠ RẰNG :

*Muốn nên quyền tước học như thầy,
Các đứng viên-quan trước cũng vậy.
Siêng học thời nên, thi khỏi rớt,
Hiền vinh báo đáp kể từ đây.*

BÀI THỨ BA MƯƠI BỐN.

詳 *Tương* : Ranh rẽ.

34° — 讀 行 *Độc hạnh* : Nét đọc sách.

Cách đọc sách không quý gì đọc mau, quý tại ranh rẽ :
tới chỗ ngừng hơi (,) thời phải ngừng, (.) dứt câu ngừng
lâu hơn. Nếu đọc hụt, đọc leo, lỡ câu khó nghe lắm. Chữ
nước nào cũng vậy. Hai ba chữ dính nhau, không phép
đọc rời-rời. Như : Sài-gòn, Mỹ-tho, Tân-an, Soài-riêng,
Lê-văn-Giáp, Nguyễn-văn-Ất... Đọc cho trúng chữ, đừng
nói dớt, cũng đừng đọc giọng lên xuống uốn-éo mà trật
chữ. Phạm đọc bài chi, sách chi, có câu nào không hiểu,
phải bẫm với thầy, xin vui lòng thích nghĩa. Thầy giảng thời
mình rần nhớ chớ để cho quên, sau hỏi lần thứ nhì nữa !
Như vậy mới gọi đọc sách. Nếu đọc mà không hiểu như
cưỡng, sáo, keo, kết, bắt chước kêu bác, má om-sòm, thời
vô ích lắm, có thuộc lòng nhiều cũng như không. Hiền xưa
nói : « Độc thơ cầu lý. » Đọc sách tìm cho ra nghĩa lý mới
thông ý sách.

THƠ RẰNG :

*Độc sách ngừng hơi, với dứt câu.
Độc leo đọc hụt, thấy thêm sâu.
Độc mau không hiểu như loài kết,
Phải hỏi cho thông nghĩa nhiệm-mầu.*

BÀI THỨ BA MƯƠI LĂM.

功 *Công*: Chí công.

35° — 書行 *Thư hạnh*: Cách viết.

Cách ngồi viết cho ngay thẳng lưng, đừng niềng đầu nghẹo cổ, chớ dựa ngực vô bàn mà tức chớ gục đầu mà long óc sỏ mũi. Cách cầm viết Tàu thời cầm đứng, ngón tay giữa và ngón trỏ kèm với ngón cái, hai ngón dưới để đưa lên. Cách cầm viết Tây thì cán chỉ ngay vai, day giấy tùy theo mà viết, cầm có ba ngón trên, giùm đầu ba ngón mà kèm: co hai ngón dưới. Nực nào cũng cầm viết tay mặt. Cách chấm mực tây: nhúng nửa ngòi cho vênh khéo, thời khỏi dơ tay. Tôi viết thời chùi ngòi mà cất mới lâu sét. Mới tập đồ cho giống y kiểu, có 7 chữ cao là: *b, d, đ, h, k, l, t*, song chữ *t* thấp hơn 6 chữ kia một chút. Trừ ra *f* và cao và dài. Còn 6 chữ dài là: *g, j, p, q, y, z*, thời phải thông xuống cho dài y kiểu. Còn 18 chữ thấp, là: *a, ă, á, c, e, ê, i, m, n, o, ó, ơ, r, s, u, ư, v, x*, thời viết bằng nhau, đều ngòi trên đường gạch, đều nét, đều khoản, cân phân, sắc sảo là hay. Phạm viết chữ đứng thời đứng hết, xiên thời xiên hết, đừng nét xiên nét đứng, chèo nhau khó coi. Viết phải kèm thời nét chữ mạnh-mẽ sắc sảo. Nếu thả lỏng không gò thời chữ yếu như tuồng chữ con gái dở. Hoặc run-en như chữ người già yếu. bịnh-hoạn! Phải hiểu luật: đầu câu mới hoa một chữ đầu, hoặc tên riêng (không trùng) như tên người, tên nước, tên xứ, tên thành, tên núi, tên sông, tên chợ, tên đường, tên hạt (tỉnh), tên tổng, tên làng, tên đất riêng, không trùng với ai, chẳng phải đục đầu hoa đó. Đứt câu có chấm. (. ?!) Đầu câu mới hoa.

Còn cách chấm câu: chưa dứt câu, mà ngừng (nghỉ) hơi, thời quệt một nét (*, virgule*) hoặc chấm rồi, quệt dưới chấm (*; point et virgule*).

Chừng dứt câu (dứt đoạn) mới chấm một chấm (*. un point*).

Ví dụ: « Mẹ tôi đi chợ Kỳ sơn, mua một con gà, một bắp cải, và nửa rổ tôm; với trầu cau. » Còn hai chấm đứng (*: deux points*) là kê ra sau này. Nhiều chấm thế chữ vân-vân (*...etc.*) nghĩa là còn nữa. Ví dụ: « Tết, tôi đi mua

các môn đồ đề dành học, là : viết, mực. » Nếu hai chữ phải đọc dính nhau, thời có ngang nhỏ giữa (- trait d'union) ba bốn chữ dính nhau cũng vậy. Ví dụ : « Làng Long-ngãi-thuận tại tổng Cửu-cử-thượng, trong hạt Tân-an, là ba làng sáp nhập. » Còn hai cái huông chiếc là chận lại giải nghĩa chữ đó, hoặc cũng như chữ đó, coi cho hiểu chớ không đọc () *entre parenthèse*. Ví dụ : « Em gái anh (thị-Nghĩa) gọi cho anh một đồng tư (1 \$ 40) mà mua áo. »

Còn hai huông đôi « » *le guillemet*, là chận nội lời nói của một người nào đó. Ví dụ : Anh thích nghĩa gìùm câu tục-ngữ : « Ăn thời vóc, học thời hay » là nghĩa làm sao ? Còn hai người nói chuyện, một ngang — thế vi. Ví dụ : Tên Xoài hỏi tên Ồi : « Anh đi đâu » — « Tôi đi chơi. » — « Mua giống gì ? » — « Mua giấy và viết chì. » (?) *Point d'interrogation* chấm câu mấy câu hỏi. (!) *Point d'exclamation*, dấu chấm câu than thở, lạ lùng. Như : ôi ! cha chả !

Viết cho đúng cách như vậy, thời không lỗi. Song rần tập viết tuồng chữ cho hay, y kiểu tập-đồ, thời quý lắm ! Tuy học tầm-thường, mà tuồng chữ thiệt hay, ai thấy cũng khen ngợi. Dầu học hay cho mấy, mà viết tuồng chữ dở tệ quá, ai mới thấy cũng dễ ngơoi ! Nên học hay, viết hay, đều quý cả hai. Nhất là phải dùng sách *Đồng-âm-tự-vị* của M. Mai, rút trong *Tự-vị* của ông Huỳnh-tĩnh-Trai với ông Trương-vĩnh-Ký, thời viết quốc-ngữ khỏi lầm. Trừ ra dấu hỏi, dấu ngã viết xiên, thời khỏi phân-biệt, vì hai dấu ấy tiếng in nhau. Người trí không viết bậy, mà bỏ tuồng chữ dở cho chúng chê. Đã tốn giấy mực mất công, thà viết kĩ mà tập chữ luôn thề.

THƠ RẰNG :

*Cầm viết Pháp (Pháp-quốc) Hoa (Trung-hoa) biết thế thần,
Hay nhờ đều khoản, mạnh nhờ gân.*

Viết dò tự-vị quen không lỗi,

Sở bộ thơ đơn chánh việc cần.

BÀI THỨ BA MƯƠI SÁU.

巧 Xảo : Khéo.

36° — 畫 行 Họa hạnh : Nét vẽ.

Cách vẽ cũng là một sự quý trong việc học. Như tập vẽ địa-dư các điệu theo thầy dạy, ăn thua tại gạch khoản cho

đều, công kĩ cho khéo, lo tập đủ kiểu, lần tới vẽ hình các loài vật dụng, cầm thú, cỏ cây, hoa quả, rồi lại họa chơn dung là khó hơn hết! Tuy có thầy dạy, song cũng tại mình sáng hoa-tay. Nói tắt một điều: viết chữ hay, thời tập vẽ phải khéo. Còn cách tả-sanh là khó: ngó người ngó vật mà vẽ cho giống in; bởi đã thông phân-tắc cách điệu, thời vẽ cách tả-sanh mới giống. Sơ học đừng vẽ ông-tướng, hát-bội hoặc hình tục-tĩu, quen tay vẽ không trúng cách điệu, lại mất ngày giờ tập vẽ chánh sự. Mới học tả-sanh sao nổi?

THƠ RẰNG:

*Cho hay học vẽ tại công già,
Mực thước nhờ thầy, khéo tại ta.
Tập vẽ kiểu hay, lâu phải giỏi.
Tả-sanh có điệu, gấm thêm hoa.*

BÀI THỨ BA MƯƠI BẢY.

推 Suy: Suy xét.

37^e — 數行 Số hạnh: Học toán.

Phép toán là qui trong việc học, vì bốn nghề tứ-dân, đều phải dùng toán. Nên bút toán tinh thông là qui. Nghề toán phải cần học cho rành, như học viết học chữ vậy. Tàu thời học cửu-nhơn (tục gọi cửu-chương, sai!) và cửu-qui. Cửu-nhơn dùng mà gộp lại, cửu-qui dùng mà chia số một hàng. Nếu chia nhiều hàng, thời hàng thứ nhì sắp sau, hô cửu-nhơn mà trừ gọi là qui-trừ (binh-phân), sau mới chế đây, xưa cũng chia nội cửu-nhơn thương lượng như toán Langsa vậy. Toán Tàu có cách pho-địa-cầm: vẽ giấy, gạch đất, tính như toán Tây. Số ít, dùng nội hai bàn tay, gọi là nhứt-chương kim cũng tiện. Tầm-thường dùng nội sách Trung-thống-tông cũng đủ. Nếu học sách Đại-thống-tông thời đủ cửu-chương: chín phép toán đủ trong trời đất.

Còn học trò học toán phải có ý-tứ, đừng cho lộn sai. Lời tục nói: « Sai con toán, bán con trâu. » Nếu lộn số muôn, e phải bán nhà bán ruộng mà thường không đủ! Không cần cao kỳ toán chơi toán đố. Cứ bốn phép: nhơn, chia, trừ, cộng cho rành.

THƠ RẰNG :

*Tinh thông bút toán quý trong đời,
Sai toán bán nhà chẳng phải chơi!
Học toán xét suy và kĩ-lưỡng,
Cần hơn các món chớ quên lời?*

BÀI THỨ BA MƯƠI TÁM.

護 Hộ: Cưng (săn sóc).

38^e — 借書行 Tá thơ hạnh: Nết mượn sách.

Ông Nhan-suy-Chi đặt sách Gia-huấn mà dạy người trong nhà rằng: « Mượn sách vở người thời phải cung giữ, nếu có rách hư thời phải tu bổ o-bế, như dán bìa vân vân. Ấy cũng là một nét tốt trong trăm hạnh của học trò, hoặc viên-quan. » Lấy đó mà suy, dầu mượn món chi cũng vậy, càng cung dưỡng hơn của mình; vì của mình rui hư cũng không lỗi, nếu của mượn thời mất lòng; người bắt thường ra hẹp lượng; mà chưa vừa ý người; nếu bỏ qua thời hư của người; cũng ngặt bụng!

*Của mình cung dưỡng giữ bằng ba,
Sách mượn cung hơn sách ở nhà.
Trước trọng thánh hiền, sau biết phải,
Y kị trả lại, khỏi đòi ta.*

BÀI THỨ BA MƯƠI CHÍN.

敏 Mẫn: Siêng năng.

39^e — 安置行 An trí hạnh: Nết sắp đặt (dọn dẹp).

Nết dọn sắp là nhờ siêng-năng, bất luận món chi cũng để cho có thứ-tự ngay thẳng. Năng dọn-dẹp quét-tước, đừng để bụi dơ. Hoặc thấy không ngay thời sửa lại; hoặc kẻ khác dời sai chỗ, mình cũng sắp lại, nửa đêm muốn lấy món chi, ước đi thăm lại cũng đúng. Nói giã tí, sách chữ nho: bộ nào cũng để số, để theo bộ ấy; cuốn nhứt kể cuốn nhì, cuốn ba vân-vân. Sách tây, quốc-ngữ, cũng vậy, chớng nào riêng chớng ấy, đừng đụng dàu bỏ đó, hoặc

xốc xỏ xà ngẫu : thứ này lộn thứ kia ; tới có việc thất công : đi kiểm ! Vài ba ngày dọn quét bụi, coi chừng mối, nên bỏ liều, bầy mối học nhập-tâm ! Nó cần ăn hư lũng, như các món y-phục vậy ! Còn bút mực son giấy, đều để có nơi, món khác cũng vậy

THƠ RẰNG :

*Thứ tự món nào để có nơi,
Lốp-lang ngay thẳng chờ cho đời.
Đi thàm mà lấy không làm mất,
Coi mỗi thường ngày rảnh quét chơi.*

BÀI THỨ BỐN MƯƠI.

究 *Cứu*: Chiêm nghiệm (xét).

40° — 知味行 *Tri vị hạnh*: Nết biết mùi.

Sách Trung-dung nói : « Ai mà không ăn uống, song ít kẻ biết mùi. » Như đói quá ăn đồ dở cũng ngon, khát quá uống nước-lá cũng ngọt. Còn no hết ngon, ép ăn rán mùi ngon cũng chê dở. Uống đã khat, ép nhậu trà ngon cũng chê thường. Vì thái-quá nên mùi ngon cũng ra dở. Bất-cập nên dở ra ngon, đều không trúng mùi chánh : như lúc mới đói mới khat mà ăn uống cho biết chánh mùi ngon dở không sai. Ấy là lời ông thánh Tử-Tư nói thí dụ, mà giảng đạo Trung-dung giữ nết tâm thường, đừng cho thái-quá bất-cập.

Song còn nghĩa vệ sanh, ăn phải biết mùi : như lạnh thời ăn mùi cay cho ấm, đừng ăn mùi đắng mà lạnh thêm. Nhiệt thời ăn đồ đắng, cũ mùi cay. Ngừa thời cũ món cà. Ho phải cũ tôm tép, cá-rô, mắm-nêm, nên ăn dưa cải cho tiêu-dàm. Thủng thời cũ muối. Kiết thời cũ mỡ chiên-xào và đồ cay. Bón thời ăn chua, uống mật-ong, cũ đồ chát. Đi têu lũng thời ăn đồ chát, cũ mật mỡ mùi chua, ấy là ăn biết mùi. Nếu gan hư thời ăn chua cũ cay (mùa thu cũng vậy.) Tâm hư thời ăn đắng cũ mặn (mùa đông cũng vậy.) Tì vị hư thời ăn ngọt cũ chua (mùa xuân cũng vậy.) Thận hư thời ăn mặn cũ ngọt (tứ quý là cúi bốn mùa 18 ngày Thổ-vương-dụng sự cũng vậy.) Nếu biết mùi, lựa món mà ăn như vậy, thời không bệnh ; cũng như uống

thuốc. Như phát-lãnh ăn gừng phải ấm. Nóng này uống nước dừa-xiên (dừa-lửa), rau má dừa, dừa-bầu thời mát. Có bệnh uống thuốc, biết cử ăn thời mau mạnh. Nếu ăn món ki cả cân, sức thuốc bao nhiêu mà trị hết. Nếu muốn thông thời xem sách Vệ-sanh-thực-trị sẽ in.

THƠ RẰNG:

*Không đói không no biết chánh mùi,
Vệ-sanh hiểu rõ vị ngon bùi.
Đồ ăn nên-thuốc không sanh bệnh,
Thực-trị xem thêm, mạnh mới vui.*

BÀI THƠ BỐN MƯƠI MỐT.

慎 *Thận*: Kiêng dè.

41 一服藥行 *Phục dược hạnh*: Nét uống thuốc.

Sách Luận-ngữ nói: «Đức thánh Khổng-tử kiêng dè có ba điều gặt là: 1° ngày ăn-chay mà cúng tế, cho có lòng thành; 2° lúc chinh-chiến, phải giữ-gìn kẻ chết; 3° lúc có bệnh cũng là sanh-tử, nên kiêng dè ba điều ấy hơn hết. Thuốc hay trị bệnh thời mạnh lành, trừ ra tới số mới chịu chết. Nên uống thuốc phải chọn thầy hay. Tây, Nam cũng vậy; mới bệnh thời dễ trị, uống ít mà hay nhiều, cũng như quần áo mới dơ, giặt nhẹ công ít xà-bong mà mau sạch. Nếu dè bệnh liệt mới uống thuốc, dầu thầy hay cũng nhiều thuốc, lâu ngày mới khá. Nếu thầy tầm-thường thời khó cứu. Nói chi thầy dở, bệnh ít ra nhiều, bệnh nhiều chắc chết. Nhứt là đừng nghe kẻ dốt nói: món nọ hay, thuốc kia giỏi. Bày đâu uống đó, bệnh nhẹ họa may khỏi, bệnh nặng phải thác oan; thiệt chết chưa tới số! (tử u phi mạng!) Tuy thầy hay thuốc trúng, song thầy dặn cử món chi, phải y lời. Nếu chẳng y lời, cứ mê tửu-sắc hoai, uống thuốc vô-ích!

THƠ RẰNG:

*Đương bệnh thì lo lúc tử sanh,
Trọng thân uống thuốc chọn thầy danh.
Cử kiêng các món y lời dặn,
Số mạng còn xa, bệnh phải lành.*

BÀI THỨ BỐN MƯƠI HAI.

保 Bào : Bảo dưỡng.

42— 煉液行 Luyện dịch hạnh : Cách dưỡng nước miếng.

Cách nhiếp-sanh trước hết là dưỡng nước miếng, ăn uống các món vào bao-tử, lọc nước-cốt tinh-vi sanh ra huyết mà thấm vô trái-tim, chạy luân-chuyển cả châu thân. Kế đó nước cốt chưa được tinh anh, thời làm nước miếng mà tư-nhuận trường vị, lâu cũng hóa ra huyết. Nếu không nước miếng thời họng hầu miệng lưỡi phải khô. Còn cái nước cốt không thanh thời làm đàm nhớt bọt-bèo; đồ ấy thời khạc mà nhỏ, chớ nước-miếng là nước-cốt của mình, rất nên quý báu, chẳng khá nhỏ, vì nó mùi ngọt, không phải mùi tanh-hôi như đàm nhớt, nếu khô nước-miếng thời sanh bệnh. Cũng như dây-bầu, cây-ớt, chích cho chảy nước thời phải héo. Nếu khô nước miếng có mua yến-sào là nước-miếng chim én làm ồ, mà ăn, thời như ăn sấp không ngon, bỏ chẳng bao nhiêu nước-miếng; mà tốn tiền nhiều. Những con-gái 15 tuổi mà coi gương mặt già-hấp (già-khẩn) như người gần 30 tuổi, là bị ăn trầu thái-quá, chắt hết nước-miếng mà nhỏ nhiều năm. Các nước không ăn trầu, thời người nở-nang không ròm-rỏi. Các trò phải cử trầu chung-thân, để miệng sạch mà nuốt nước-miếng. Thuốc-diệu cũng không nên tập. Người lỡ ghiền khó bỏ thời phải chịu phép. Các trò chưa ghiền, đừng tập hút vì hay khạc nhỏ cũng tổn nước miếng bằng nửa ăn trầu, lại sanh đàm hay khô cổ khô phổi; đau bụng; Đã vô-ích tổn tiền mà hại thêm bệnh, vì nha-phiến (á-phiện) độc bảy thuốc-diệu độc ba; cử đặng thời khỏi ròm, không nói nhựt. Mỗi ngày khỏi tổn hai chiêm, bỏ ống trợn năm đặng bảy đồng hai, đóng thuế thân không hết, còn dư may y phục. Ghiền thuốc bằng hai thuế thân.

Cách vệ sanh: Lỡ đường đói khát, để chót lưỡi rơ trên chun răng-cửa; nút ra nước-miếng mà nuốt hoài, cũng đỡ khát đỡ đói khỏi chết; sống đỡ lâu ngày cũng được. Ấy là cách luyện tâm-dịch (nuốt nước-miếng) trong sách thuốc của ông Tôn-chơn-nhơn (ông tiên).

THƠ RẰNG :

Nước miếng nguyên là nước-cốt mình,
Cử kiêng trầu thuốc bổ thêm tinh.
Trừ ra đàm nhớt thời gần nhỏ,
Cam-lộ (nước-miếng) nuốt thường phép vệ-sinh
(sách Huỳnh-đinh).

BÀI THỨ BỐN MƯƠI BA.

孝 *Hiếu* : Thảo cha mẹ.

43^e — 孝行 *Hiếu hạnh*: Nết ở thảo với cha mẹ.

Sách Đại-Học nói: « Con người cứ ở hiếu thảo. » Đức thánh Khổng-tử đặt sách Hiếu-Kinh (Tiểu-học) và kinh Xuân-thu, đặt hai sách ấy rồi, trời cảm động, cái mống sa xuống trên dinh hóa ra ngọc đỏ. Bối công cha mẹ tạo-hóa lúc còn trong bụng mẹ cứ mang chín tháng mấy ngày, cũng như mười tháng, nên gọi thập-ngoạt-hoài-thai. Còn cha thời nhọc hơn, vì lo nuôi vợ, không dám cho làm nặng, sợ động con, lại lo thuốc dưỡng thai. Đến sanh sản thời cha lo nuôi mẹ con, thuốc thang thức thối, hao tốn nhiều bề. Giàu tuy sẵn của cũng nhọc lòng lo. Nếu nghèo đã cực lòng, lại thêm mệt sức; cực nhọc vô cùng! Còn mẹ cho bú ba năm, nên gọi: tam niên nhũ bộ, chịu phần nhọc, con đái ướt ban đêm, thời mẹ dời con bên khô, mẹ nằm bên ướt! Nuôi con tới biết ăn biết nói, cha mẹ giữ-gìn cực khổ trăm bề! Nên Kinh-Thi có thiên Lục-nga thích nghĩa chín chữ (đều) cha mẹ cực nhọc với con; 1 là cha tạo-hóa sanh ra; 2 là mẹ cho bú cho ăn; 3 là vuốt-ve nựng-nịu; 4 là dành để mển ăn; 5 là dạy dỗ; 6 là nuôi dưỡng; 7 là ngó chừng: giữ-gìn sợ xe ngựa, sợ té, sợ té sông; sợ bốc bậy, ăn bậy, chơi dao, phỏng nước sôi, phỏng lửa; 8 là sẵn sóc, tắm giặt quần áo, hoặc cơn đau lo chạy thuốc thang; 9 là ấp-yêu bằng-ấm dỗ-dành. Nên gọi cha mẹ là trời đất che chở cho con. Đến trọng rồi cho ăn đi học, tốn hao không biết bao nhiêu. Cha mẹ rán sức làm việc nhà mà nuôi, miễn cho con ở không, mà ăn học lễ-nghi biết cách ở đời, khỏi hư nết hư danh, khỏi hại thân hại mạng. Sau học nên tài may thi đỗ, làm việc nhẹ-nhàn, khỏi hành hải cực khổ; mà nhờ tấm thân. Chớ cha mẹ

chừng đó không chắc còn sống mà nhờ con nuôi lại lúc già bịnh. Nếu cha mẹ giàu có, không cần con nuôi mình, lại lo để sự nghiệp, chia ruộng đất cho con nữa. Dầu cha mẹ nghèo, lòng cũng thương con như nhà giàu vậy, ngặt không ruộng của mà chia, song công lao cha mẹ làm trọn đời, có bao nhiêu cũng để hết cho con. Cha mẹ thấy các con hòa thuận thời vui mừng, nếu bất hòa thời cha mẹ buồn rầu lắm. Con may thi đỗ ra tùng-chánh, thời cha mẹ rất mừng. Nếu rui thi rớt thời cha mẹ phiền muộn! Xét cho kỹ: trong đời có ai thương và lo cho mình như cha mẹ? Đức thánh Khổng-tử nói: « Cha mẹ rất lo sợ lúc con bịnh. Tấm lòng cha mẹ thương con, không sót việc nào hết. » Ông La-trọng-Tổ nói: « Trong thiên-hạ không ai phải cho bằng cha mẹ. » Cha mẹ không ở quấy với con bao giờ. Nếu nói cha mẹ ở quấy, là con bất-hiểu; nên cha mẹ hết thương nữa; nếu con có hiểu, lẽ nào cha mẹ không thương? Nếu không thương thời có đâu nuôi tới lớn? Như vậy: cha mẹ trọn chữ từ là thương con, thời con phải ở chí-hiểu. Dầu cha mẹ hết thương con, con cũng phải báo hiếu. Phải biết cái thân mình ở đâu mà ra? Phải mình là của cha mẹ tạo-hóa ra chăng? Dầu mình làm ra bao nhiêu, cũng chớ gọi của mình, đều là của cha mẹ, vì thân mình còn của cha mẹ thay, hưởng chi là của. Nếu gọi của riêng mình, thời là loài bất hiểu. (Chừng nào cha mẹ mãn hết, mới gọi của mình.) Muốn có hiếu thời phải làm sao? Phải rán cần học cho hay, lúc về nhà phải săn-sóc cha mẹ. Sau thi đậu, cha mẹ nhờ danh tiếng, lại có lương lộc, nuôi dưỡng song-thân, mà đèn ơn cả; bất quá trong mười phần trả ơn chưaặng một, có thắm vào đâu! Nếu làm biếng ham chơi, sau thi rớt, không đủ sức nuôi mình, có đâu nuôi song-thân mà trả thảo? Lại làm cho cha mẹ hồ thẹn rầu buồn nữa! Như vậy hỡi còn thua đứa chăn-trâu ở-đợ mà nuôi cha mẹ còn có hiếu hơn? Còn các trò cần học thi đỗ, có của mà nuôi cha mẹ, cũng phải hết lòng cung kính, làm cho cha mẹ vui lòng (đẹp lòng), nếu ở chung thì phải đích thân dựng cơm săn sóc, hầu hạ bữa ăn, sửa soạn chỗ ngủ, giặt đồ cho cha mẹ, không luận uế-nhơ, như ông Huỳnh-dinh-Kiên trong *Nhị thập-tứ-hiếu*, làm quan mà còn giặt nhơ đồ uế cho cha mẹ, chớ ý có gia-tướng mà bất chúng-nó báo hiếu thế cho mình! Lời hiền xưa nói: « Đem

chức đại-thần đòi một ngày nuôi cha mẹ, con thảo cũng không màng.» Cao-Ngư nói: « Con muốn nuôi mà cha mẹ chẳng còn! » Chừng đó muốn nuôi một bữa ăn, dung một cái áo cũng không dặng. Bất quá lo làm mà mờ thờ phượng đơm-quái mà thôi! Nên con thảo phải nhìn ăn nhìn mặc mà lo nuôi sắm thập bội cho cha mẹ, dặng trả ơn cho kịp thời. Đức thánh Khổng-Tử nói: « Thờ thác cũng hết lòng hết sức tin tưởng như lúc còn sống, thờ là chí hiếu.» Như vậy sống nuôi thập-bội, đến cha mẹ mãn phần, hết thể nuôi được, nên thờ-phượng cúng-quái, làm mờ-mả cho thoả lòng, mới gọi chí-hiếu. Ông thánh Tăng-tử nói: « Dầu đập bò mà tế mờ, cũng không bằng thịt gà thịt heo mà nuôi lúc còn. » Nếu sống không phụng dưỡng, đau không hết lòng chạy thuốc, chôn còn bà tiện hòm, không cần mễ-mả, đề tiền tế lễ ca nhạc, làm tiệc cho lớn mà đãi thiên-hạ dặng che miệng thể, có hiếu chi đâu! Ấy là: sống chẳng nuôi ăn sắm mặc, thác rồi dung thịt xới cơm! Phải biết, còn sống hầu bữa ăn, sau cúng tế xới cơm mới trúng lễ. Sống mỗi tết lạy dung tuổi (mùng tuổi) mừng cha mẹ thêm tuổi, cha mẹ đánh phải cúi, tha dây phải lạy, cha mẹ có hờn, phải lạy mà xin lỗi. Như vậy sau lạy mới trúng lễ. Nếu hồi sống chẳng qui lạy lần nào, đợi thác rồi mới lạy thính-không, ấy là trái lễ. Kẻ nghèo đừng sợ khó báo hiếu, nhà khó mới hay con thảo: đi làm mướn, hoặc ở thê (đợ) đem của về dung cho cha mẹ, thời đủ rồi Khó cho con nhà giàu sang, không dễ báo hiếu. vì còn ăn của cha mẹ, muốn phá thêm nữa, làm chi ra của mà nuôi? Dầu có làm cực khổ ra tiền riêng, cũng khó nuôi lắm: bởi cha mẹ ăn của nhà không hết, có thiếu đâu mà nuôi? Lại còn đề của cho nữa! Như vậy, có thể gì nuôi được đâu? Nếu muốn báo hiếu, thời phải ra công khó, sắm-sóc cha mẹ luôn-luôn thời mới có hiếu. Nếu làm biếng thời không có hiếu chút nào hết! Lại còn phải cần học thi cho đậu, nên chữ công danh, thêm hiển-vinh cho cha mẹ. Ông thánh Tăng-tử nói: « Hiếu với anh, đừng đầu trăm bạnh tốt. » Sách *Bá hạnh* này trước hết là hiếu, nên phải nói cạn lời. Vả lại đức thánh Khổng-tử nói: « Theo luật xưa xử ba ngàn điều tội, hành hình cũng nội năm cách, là: Khắc chữ trên trán. Hót mũi. Cưa cẳng. Thiến dái. Chém giết. Song tội bất-hiếu đứng đầu, nặng hơn các án », Muốn cho trọn cang phụ-tử

phải giảng hết lời. Vì đũa bất-hiểu ai cũng không dùng: rất dỗi ở với cha mẹ nó còn chẳng ra chi, dùng nó ngay sau cũng phẫn.

THƠ RẰNG :

*Tội hành bất-hiểu trước ba ngàn,
Hiếu-hạnh trăm lành dựng hiền-vang,
Thảo lớn thành thần vì nết tốt,
Cháu con thuận thảo nối giàu sang.*

BÀI THỬ BỐN MƯƠI BỐN.

忠 *Trung*: Ngay (hết lòng).

44^e — 忠行 *Trung hạnh*: Nết ngay chúa (hết lòng với chủ).

Nết trung cũng bằng nết hiếu, vì làm tôi phải trọn ngay với chúa, biết có nước chớ không biết có nhà, nghĩa là: cần việc nước, không kể việc nhà. Biết có chúa chớ không biết có thân, nghĩa là: lo cho chúa mà quên thân mạng. Như vậy mới gọi tôi ngay. Tôi ngay chẳng phò hai chúa. Vì mình ăn lương lộc mà nuôi gia-quyển, nên phải giao thân cho nhà-nước. Nếu quên thân quên nhà, mà lo việc nước, thời lòng ở thanh-liêm không hà-lạm hối-lộ, tánh công bình không tư-vị, cứ lo cho lợi nước lợi dân, an nước an dân, vì dân là cội nước, thương dân là thương nước, lo cho dân là lo cho nước. (Nếu hại dân là hại nước.) Đời thái-bình lo bồn phận cai trị cõi mình, boặc việc nhà-nước đã phú-thác cho mình. Thương dân như thương con thời đủ. Thờ chúa như thờ cha mẹ thời vẹn ngay. Kinh bực quan trên như anh chị thời đủ lễ. Đãi kẻ giúp việc dưới tay như em út thời đủ ơn. Nếu mình chức nhỏ chưa cai-trị riêng, còn từng quyền giúp việc quan-trên và thương dân-dưới, cũng đủ chữ trung. Dầu chức phận nhỏ mọn lắm, mà ở đặng như vậy, đức thanh-liêm công chánh, thác cũng thành thần, như ông cả Trước ở Trảng-bàng, ông chủ Đình-công-Chánh tại làng Bình-thủy (Cầnthơ). Nếu làm chức lớn cho mấy, mà hay hà-lạm, ăn hối-lộ, nóng-nảy độc dữ hiếp dân, thời cũng ghe ngay mất chức. Phải biết mình nhờ đức tổ phụ, kiếp trước khéo tu, nay mới được chức quan, nếu giữ đức thanh-liêm công chánh

sửa phong tục dạy dân hết tệ, trở nên tốt, thác rồi sẽ đặng thành thần. Hiền xưa nói: «Coi kinh chưa mấy lần, thí của bao nhiêu phước chưa sánh các quan-quyền, thương dân gìn mực thước.» Bỡi các vị có quyền, giảng một lời phải, tông làng đều vưng theo mà truyền lại cho dân, sửa tục hư ra tốt mau lắm. Như: cấm trộm cướp, cấm bài bạc, cấm say sưa đánh lộn, cấm anh em kiện thưa. Phạt con bất-hiếu, phạt gái bội phu. Phạt chủ hành tội, phạt tôi phản chủ. Giải hòa việc tranh tụng, cứu kẻ hàm oan. Nung việc làm ăn, cấm đều du hí. Thanh-liêm công bình, dân phục như ông thần sống. Nhà-nước trọng là tôi lương-đồng, như dân gần mển xa trông; trông ngài đổi tới trị xứ mình.

Còn lý loạn giúp nước liều thân mạng, tuy thác cũng thành thần, như ông Quan-đế, ông Nhạc-Phi, hưởng hương lửa đời-đời. Dầu quân lính thời thành Âm-binh, theo các vị thần cũng qui.

Còn bực thứ là kẻ thay mặt, mà hết lòng trung với chủ, không dạ tham. Chủ phú đều chi cũng hết sức không lòng tư-kỉ, biếng-nhác; hết lòng lo cũng gọi là trung.

Nếu bực thứ-dân, cứ theo phép nước lo xâu thuế vuôn tròn. Lòng kính trọng bề-trên là chúa (nhà-nước), không dám nói hành phản nghịch, cũng gọi lương-dân, trung theo bực lê-thứ.

Còn bực chót là tôi tớ, mà ở trung-tính với chủ-nhà, hết lòng cảm ơn, hết sức cần-mẫn, không dối không gian, ăn cây nào, rào cây nấy, cũng gọi chữ trung (chia trung 4 cách).

THƠ RẰNG :

*Ngay vua, ngay chủ cũng là trung,
Vi chúa quên thân vẹn thủ chung.
Sống tướng, thác thần xưa cũng thế,
Dân vưng phép nước đáng yêu-dùng.*

BÀI THỨ BỐN MƯƠI LĂM.

悌 **Đễ**: **Thuậ**.

45^c — 悌行 **Đễ hạnh**: Nết ở kính anh chị.

Anh chị sanh ra trước, thay mặt cho cha mẹ, chịu cực mà dìu-dắt trẻ em, bằng âm dạy em tới lớn. Rủi song-

thân mần sớm, anh chị thay mặt nuôi em, và lo gia thất. Nên đạo làm em phải yêu kính anh chị kể cha mẹ, không dám nghịch mạng. Anh chị kêu thời dạ, nói với anh chị phải thưa trình. Ông Thúc-Tề la hoàng-tử, còn tôn trọng anh là ông Bá-Di. Kinh-Tbi nói: «Sợ các anh ta.» Làm lỗi sợ anh quở. Đời Đường ông Từ-Tịch là ông Mậu-Công, vua cho theo họ vua, gọi là Lý-Tịch. Chị ruột đau, Từ-Tịch đích-thân sắc thuốc, bị gió tạt lửa cháy râu! Chị thấy than rằng: «Thiếu chi tôi đời, cậu nó làm cực khổ!» Từ-Tịch thưa: «Chị đã già, mà em cũng lớn tuổi, muốn sắc thuốc mà đền ơn chị ẵm-bồng hồi nhỏ, lại e khôngặng nhiều lần cho toại chí!» (Sử-ký.) Nếu biết hữu-ái như vậy, có đâu mà kiện gia tài! Thuật gốc tích bông Thủy-tiên: Người em ruột là Tôn-Đề ở phải, anh là Tôn-Hiến tham-lam, cha mẹ mần phần hết, anh chia ruộng phèn cho em, làm năm nào cũng thất! Tuy ăn đói bận rách mà không phiền anh. Ngày kia đang cuộc đất-phèn, có ông già lại hỏi rằng: «Đất-phèn quá, làm thất công, sao không trả lại cho anh?» Tôn-Đề thưa: «Thà chịu cực, nữ nào để anh tôi nặng lo?» Ông già nói: «Người chí-đề đáng khen, ta cho mớ củ nầy, trồng đất phèn nó ưả lắm, tới mùa bán bông cho họ chung lợi lớn.» Tôn-Đề tạ ơn, xách gói củ ấy, lấy ra mà trồng, rồi ngó lại ông già đâu mất! Sau củ ấy nhẩy ra nhiều quá, bông trắng tốt tươi, bán mắc mà nhà giàu sang cũng mua hết, hỏi tên bông gì? Tôn-Đề đặt tên bông Thủy-tiên (Loài bông ở nước của tiên cho). Lại một điều: ai lấy giống trồng đất phèn nào cũng chết! Cứ sanh đầy đám ruộng đó! Ít năm Tôn-Đề làm giàu lớn, lại bù-sốt cho anh cũng khá. Toiên-hạ chê anh mà khen em..... Tôn-Đề can rằng: «Nhờ anh thử lòng tôi như vậy, tiên cảm động mới cho giống nầy. Nếu chia đồng thời anh em tôi đủ ăn là may, đâu đặng giàu lớn? Nếu cô bác tưởng lòng tôi, xin đượg biếm-nhẽ anh tôi, thời tôi cảm ơn lắm. Nếu anh tôi xấu, thời tôi cũ g không tốt.» Ai nghe cũng khen. (Nay Bắc-ký có Thủy-tiên).

THƠ RẰNG :

*Thành khuyên hiếu-dễ sách còn ghi,
Em kính chị anh, phải lễ-nghĩ,
Xét việc Thúc-Tề, cùng Lý-Tịch,
Phần ăn nhiều ít mưa (chờ) phán bì ?*

BÀI THỨ BỐN MƯƠI SÁU.

恭 *Cung*: Kính.

46°— 恭行 *Cung hạnh*: Nết kiên nể chị dâu, anh rề.

Nết ở với chị-dâu, trọng như chị ruột, là vị lòng anh. Nếu chị-dâu đẹp ý thời hết lòng lo phụng dưỡng cha mẹ mình, và lo giúp công-việc cơ-nghiệp cho anh mình nữa. Thử coi ông Quan-Công phò nhị tâu, thủ lễ với hai chị dâu thế nào, thời đủ hiểu. Đừng làm mặt ông-chú mà khắc khổ.

Còn anh-rề coi kẻ anh-ruột, là vị lòng chị-ruột mình. Nếu bạc đãi thời anh-rề cũng không ưa mình, lại làm khó cho chị mình mang tiếng nặng nhẹ nữa. Nên yêu kính anh rề là yêu kính chị-ruột mình. Bởi chị mình từng phụ, trao thân cho anh-rề: sống gỏi nạc, thác gỏi xương, mình không bảo bọc đặng nữa. Xét kĩ mới biết cảm thương anh-rề thiệt tình; chớ không phải làm mặt. Nên chị-dâu anh-rề đều thương mình.

THƠ RẰNG :

*Chị-dâu anh-rề cũng thân tình,
Hậu trọng kính yêu ở thiệt tin.
Lễ phải tưởng người, người tưởng lại,
Cảm ơn săn-sóc chị anh mình.*

BÀI THỨ BỐN MƯƠI BẢY.

友 *Hữu*: Hòa (yêu).

47°— 行友 *Hữu hạnh*: Nết thuận với em, em dâu, em rề.

Anh em chị em ruột là một máu một thịt, một chỗ mà ra, như tay chơn chặt rồi nối lại không đặng. Đạo làm anh phải thương em, thay mặt song thân, chịu cực dạy em trai em gái. Vì chúng nó phải kêu mình bằng anh, tuy bây giờ còn nhỏ dại, chưa biết lễ-nghi, mình phải làm gương tốt cho trẻ em bắt chước, chẳng nên khắc khổ xéo xắt, phải nhịn cho em ăn. Mình chịu khó với em, là giúp việc cho song-thân, thời cha mẹ đẹp lòng, tuy-vân hữu-ái, cũng có hiệu nữa. Đức thánh Khổng-tử nói: « Cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn là coi rề đạo phò, cũng hiếu với cha mẹ, và

kính anh chị, thương trẻ em thời đủ rồi. » Bồi cha vua Thuấn là ông Cồ-tầu, mẹ ghẻ là Châu-thị, sanh ra tên Tượng, đều không thương vua Thuấn. Tượng cứ xúi Cồ-tầu làm mưu giết vua Thuấn mà không dặng. Vua Thuấn tuy gặp cảnh nghịch, mà giữ lòng hiếu đễ, mới gọi đại-hiếu chí-đễ! Vua Thuấn không chấp em, lại thương yêu lắm! Vua Nghiêu cấm động nhường ngôi cho vua Thuấn. Vua Thuấn phong em là người Tượng, ăn lộc đất Hữu-lí. Xét lại em mình vô lễ thế nào, cũng không quá như em vua Thuấn? Nếu em đại cũng thương mà dạy nó. Em có lỗi, mình cũng bỏ qua, làm lớn thời phải làm lơ làm lặc. Phải biết đất ruộng bạc tiền dẽ làm ra, chớ khó kiếm cho dặng anh em ruột, có k' t bạn cũng vô-ích. Người nói: « Anh em ruột bất hòa, hưởng chi người dưng. »

THƠ BẰNG :

*Em đại thì dung chớ chấp-nê,
Lớn làm lơ-láo ấy thương lễ.
Thế cha diu dặc cùng khuyên dạy,
Chia của nhường hơn chúng khỏi chê.*

BÀI THỨ BỐN MƯƠI TÁM.

尊 Tôn: Tôn-trọng.

48° — 尊 行 Tôn hạnh: Nết tôn trọng ông bà nội ngoại.

Ông-nội bà-nội sanh cha, ông-ngoại bà-ngoại sanh mẹ, mới có mình ra. Ông bà ví như rễ cây, cha mẹ ví như cội cây, các con như các nhánh lớn. Hễ biết cội thời phải biết rễ. Cháu có hiếu với ông bà, thời cha mẹ đẹp dạ. Nếu thất lễ với ông bà, dầu chi hiếu với cha mẹ, song-thân cũng phiền, vì con không tưởng cha mẹ mình, tuy biết cội mà không biết rễ. Như vậy cháu phải coi ông bà thế cha mẹ, ngày đơm thúng quả cũng hết lòng thành, là kính lễ tổ-tiên, dầu nghèo đĩa dưa đĩa muối, cũng một ngày cũng đủ thảo, tùy theo sức mình. Dầu có phần ăn hay không cũng vậy. Thử coi loài vật: rái bắt cá mà tế, ó bắt chim mà cúng, chớ-sói bắt thịt mà quả, cũng là lòng tưởng

ông bà cha mẹ chúng-nó. (Kỉ-niệm.) Ngày cúng mình không dọn, cúng cũng như không.

THƠ BẮNG :

*Phụng dưỡng ông bà thể mẹ cha,
Thác chôn thờ cúng hết lòng ta.
Giàu nghèo rộng hẹp tùy theo số,
Cội rễ đừng quên phải xét xa.*

BÀI THỨ BỐN MƯỜI CHÍN.

禮 **Lễ**: **Lễ-nghi.**

49^c — 禮行 **Lễ hạnh**: Nết giữ lễ thờ thầy.

Con người trọng nhờ thầy dạy lễ dạy văn, mới nên tài đức. Ông Loan-cung-Tử nói: « Con người có ba ơn bằng nhau: ơn cha mẹ sanh, ơn nhà-nước (vua) có đất cho ở ăn, ơn thầy dạy mới nên tài đức. » Học-trò phải tôn-kính thầy như cha mẹ, vì thầy lớn hơn mình, lại ăn học thông-thái, có tài có đức, từng trải việc đời, nên phải nghe lời vưng lịnh. Bực sư-phạm lấy lời thánh hiền mà khuyên răn dạy dỗ, hoặc lấy trí-ý tài năng của thầy đã thi đỗ mà truyền dạy không giấu. Học trò vưng lời thầy, nhớ lời dạy đừng quên. Nói với thầy, không đặng chỉ-chỏ như bầy-hữu, chớ trả lời xồn-xảng. Thầy có quở thời sợ mà xin lỗi, không nên làm bộ giận. Kính yêu như cha mẹ thời đủ phải, qui tại thiệt tình.

Còn theo lễ: đức thánh Khổng-tử măn phần, các học trò chôn như chôn cha, chớ không dễ chế. Cứ giữ tâm-tang-tam-niên: trong lòng thương nhớ ba năm, để tang thăm trong trái-tim.

Thường thấy các bần-đạo dễ tang cho hòa-thượng là trái lễ! Chẳng phải hòa-thượng đức hạnh hơn ông thánh Khổng-tử? Tại dốt không hiểu lễ tâm-tang. Không phải người thân mà dễ chế! Nghĩa thầy trò qui tại biết ơn lúc

còn sống. Thác rồi thời di diếu, phụ tợ với vợ con thấy chôn cất, mồ-mả mà thôi.

THƠ RẰNG :

*Ba ơn : cha-mẹ, chúa cùng thầy,
Sanh đẻ, dạy, nuôi, nghĩa cũng vầy.
Thầy dạy vưng lời, hằng tạc dạ,
Tâm-tang thương nhớ chẳng hề khuây.*

BÀI THỨ NĂM MƯỜI

親 *Thân* : Thương yêu.

50^e - 親行 *Thân hạnh* : Nết ở trọng hậu thân thích, bà con.

Bà con bên nội là thân, bên ngoại là thích, kêu chung là thân-thích họ hàng. Nên đám cưới gả ngày nhóm họ, là nhóm những họ-hàng đó, cho chàng-rẻ nàng dâu biết mặt bà con hai bên. Bà con thân hơn người dưng, mình phải hậu trọng tùy theo lớn nhỏ, chào hỏi cho phải lễ: Bởi người thân của cha mẹ mình, phải kính yêu nhìn nhượng, đừng cái lấy mà mất lòng cha mẹ, giàu nghèo cũng dãi một thể, đừng thấy giàu sang mà trọng quý, hèn khố mà khinh khi. Bên nội đồng tánh hơn một thí.

THƠ RẰNG :

*Yêu kính bà-con tợ ruột rà,
Bởi người thân quyến mẹ cha ta.
Thuận hoà trọng dãi dưng cao thấp,
Giàu có như nhau thể thịt da.*

BÀI THỨ NĂM MƯỜI MỐT

信 *Tín* : Tin thiệt, chắc-chắn.

51^e - 信行 *Tín hạnh* : Nết ở tin thiệt với bằng-bữu.

Trong Kinh-Lễ, vua thánh đã chế đạo tam-cang: « Quân vi thần Cang, phụ vi tử Cang, phu vi thê Cang. » Vua cầm quyền tôi, cha cầm quyền con, chồng cầm quyền vợ. Chữ Cang là giềng (cái chóp-chài), nếu nắm chóp-chài kéo lên, thời

cả cái chài phải theo, cũng như xách cái bầu (tràng) thời áo phải theo. Thêm vô huynh đệ (anh em), bằng-hữu (bạn-bạn) thời gọi đạo ngũ-luân (5 bực). Nếu ngay chúa (nhà-nước), thảo thân (cha-mẹ), chồng vợ hòa, anh em thuận, bằng-hữu tin cậy, thời trọng đạo ngũ-luân. Và phải giữ, đạo ngũ-thường (là 5 việc hằng làm:) nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhơn, là có nhơn hay thương. trước thương cha-mẹ ông bà, anh em chị em, bà con nội ngoại. Sau thương kẻ dưới tay, cứu giúp kẻ khó khăn tàn tật; rồi lại có nhơn với thú nhà, và các loài vật. Nghĩa, là ở phải. Lễ, là nết-na khuôn phép. Trí, là khôn-ngoan không lằm, không mắc lằm, không tin dị-đoan phi lý. Tín, là nói thiệt, ở chắc-chắn không sai lời. Tam cang với ngũ-thường kêu gộp đạo cang-thường, chánh mối đạo nho. Như vậy mình chọn người phải mà kết bạn thiết, mới đủ ngũ-luân, đừng giúp đỡ nói ngay mà sửa lỗi cho mình. Quên bài vở phải nhắc giùm cho nhau. Trước nhờ thầy, sau nhờ bạn. Khuyến nhau làm phải, chớ rủ nhau làm quấy; như theo các việc vui chơi mà bỏ học. Bạn học một trường, đừng gây gổ rầy rà. Bằng-hữu chỉ-tín, đừng đối gạt nhau; nói phải nhớ lời đừng thất tín.

THƠ RẰNG :

*Chọn đặng bạn hiền sẽ kết giao,
Những người phi-nghĩa chớ chen vào.
Thiệt tình sửa lỗi công đừng tiếc,
Nhắc-nhở cho nhau hấn thấp-cao.*

BÀI THỨ NĂM MƯỜI HAI.

敬 Kinh: Kính.

52^e — 敬行 Kinh hạnh: Nết kính kẻ già.

Ông thánh Mạnh-tử nói: « Đi sau kẻ lớn là thuận, đi trước là vô lễ. Người tuổi đáng ông bà cha mẹ mình thời kính nhường, vì người có đức mới sống lâu. » Đức thánh Khổng-tử nói: « Kẻ nhơn đức thời trường thọ. » Đức thánh Mạnh-tử nói: « Tại triều-dình thời chức là lớn. Tại làng-xóm thời tuổi già là lớn. Việc giúp đời dạy dân, thời tài-đức là lớn. » Tuy kẻ chưa già, mà gồm tài đức mình cũng tôn kính, vì

người đáng bực giúp đời dạy dân. Đời Trần Trương-Lương lúc còn nhỏ, gặp ông già (Huỳnh-thạch-Công) qua gần khỏi cầu sông Tị, làm rớt dép. Trương-Lương lấy giùm lên. Ông có ý làm rớt nữa, Trương-Lương lấy giùm tới ba lần. Huỳnh-thạch-Công khen trẻ biết kính già, cho làm học trò, truyền ba cuốn Thiên-thơ. Sau Trương-Lương nhớ sách ấy, phò ông Bái-Công (Cao-tổ) dựng nên nhà Hôn, phong Trương-Lương làm chức Lưu-hầu. (Sau từ chức, theo ông Xích-tòng-tử, tịch-cốc tu thành tiên, cũng nhờ kính-lão.)

THƠ RẰNG:

*Tuổi đáng ông-bà hoặc mẹ-cha,
Phận mình con-trẻ kính người già.
Kính vì tài đức, cùng trường thọ;
Kính-dễ trời hành bất lộc ta.*

BÀI THỨ NĂM MƯỜI BA.

謙 *Khiêm*: Hạ mình.

53^e— 謙行 *Khiêm hạnh*: Nết nhường người lớn.

Nếu ở với kẻ lớn hơn mình, một đôi tuổi sắp lên, cũng nhường là anh. Hơn mình 20 tuổi sắp lên, thời mình kính là chú, lớn hơn cha mẹ mình, thời kính là bác; đáng ông bà thời kêu ông bà. Còn phụ nữ nhỏ hơn thời kêu cô, lớn hơn kêu chị. Đáng mẹ thời kêu dì, đều là người không chức. Nếu kẻ chức-phận thời kêu theo chức thời dễ hơn; như bà, cô, thím, vân-vân. Cách khiêm-nhượng là hạ mình mà tôn người, ở nết nhỏ nhẹ, dầu tới xứ lạ cũng nhiều người thương-tưởng.

THƠ RẰNG:

*Nết xấu gây thù mắc họa-uong,
Trong đời rất quý tại khiêm-nhường.
Kính tôn người-lớn, người tôn lại,
Giữ lễ giao-du-khắp bốn phương.*

BÀI THỬ NĂM MƯỜI BỐN.

柔 *Nhu*: Mềm dịu.

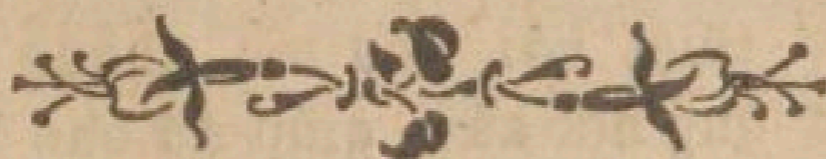
54° — 遊行 *Du hạnh*: Nét chơi.

Giờ chơi là tập luyện gân cốt, cho có sức lực lạ lùng, khí huyết vận chuyển không sanh bệnh, nên tập-linh là cách vệ-sanh, trị hết mỗi-mê; nước chảy thường thì không thúi, cây gài cửa (chốt cửa) thường động, nên không mối mọt, gân cốt người cũng vậy. Ra cách tập cho trúng phép, đừng cười giỡn la ré. Tới lúc chơi cũng dịu-dàng, đừng cứng-cỏi đánh lộn. Đức Lão-tử nói: « Mềm hơn cứng yếu hơn mạnh; lưỡi mềm còn hoai, răng cứng phải gãy, » Thử coi ông Bái-Công mềm dịu, đi vào ải Tần trước mà làm vua. Ông Hạng-Võ đại tài, vì tánh cương cường bị chửng đón hoai mà trê, sau thất trận tự-vẫn tại sông Ô-giang!

THƠ RẰNG :

*Cứng-cỏi hăng thua tánh dịu-mềm,
Người chê lời xăn, chuộng lời êm.
Hiền-hoà đạo khắp trong thiên hạ,
Bốn biển anh em dễ kiếm thêm.*

CHUNG



46 BÀI VĂN TẮT.

Cho học trò-đọc thuộc lòng ; theo chương trình:

Bài thứ 55. — Trước giờ học (đi thưa).

Thức dậy súc miệng rửa mặt, sửa-soạn y phục, sách vở tử tế. Thưa cho ngư i lớn hay rằng mình đi học. Ra đường đi đừng chơi giỡn. Vào lớp cho đúng giờ, sắp hàng có thứ tự.

Bài thứ 56. — Sau giờ học (về trình).

Tan học sắp hàng ra về. Vào nhà trình cho người lớn hay rằng mình đi học về. Cất đồ, ăn uống rồi, giúp việc nhà cho cha mẹ. Học tập bài vở mới, cho tới giờ đi

Bài thứ 57. — Biết ơn cha, nghĩa mẹ.

Cha lo làm công việc mệt nhọc mà nuôi mẹ con mới đặng no ấm, nên ơn nặng mười phần. Mẹ có nghén chín tháng dư, n ới sanh con, lại cho bú ba năm, và chịu nhơ vế nữa. Nên ơn mẹ cũng bằng ơn cha.

Bài thứ 58. — Phận con thảo.

Con phải biết ơn, kính, yêu cha mẹ ông bà. Bảo thời vưng lời, giận thời chịu lụy năn-nỉ. Kêu dạ, hỏi thưa, và giúp đỡ.

Bài thứ 59. — Thiệt tình hiếu kính.

Con phải ở ngay thiệt với cha mẹ, chẳng nên dối trá và làm mặt. Phải hết lòng hết sức, giúp đỡ cho thiệt tình.

Bài thứ 60 — Yêu kính thân thích (bà con).

Thân là bà-con bên nội, thích là bà con bên ngoại, kêu chung là thân thích, giàu nghèo cũng kính yêu một thể ; hơn người đưng.

Bài thứ 61. — Kính mến vưng lời thầy.

Học trò phải vưng lời thầy, hết lòng kính mến, thầy dạy thời phải nhớ, Thầy quở thời sợ, không dám giận lại; coi như cha mẹ.

Bài thứ 62. — Lúc trong lớp.

Vào lớp ngồi có chỗ mà nghe thầy giảng dạy, không nên nói chuyện cười giỡn. Phải học cho siêng; giữ sách vở cho sạch.

Bài thứ 63. — Tánh tốt.

Tánh tốt của học trò là : sạch-sẽ, thứ-tự, ý-tứ siêng-năng, học cho tấn ích. Ở với mỗi người cho tin thiết khuôn phép. Phải giữ nết-na, không nói láo, hờn-hào, xác-xược.

Bài thứ 64. — Nết xấu phải chừa.

Phải chừa các nết xấu là : sâu-hiểm, ganh-ghét, giận hờn, dũ tợn Ăn nói hờn-hào gian giao, xác-xược, ở dơ, làm biếng, không cần học, nói láo, nói tục-tĩu, ham chơi, tập bài bạc, hay phá cửa, hoang-dàng theo hút-xách, say-sưa, du đảng.

Bài thứ 65. — Lòng quảng-đại.

Người rộng lượng không hay chấp, lại làm phước giúp người, chẳng nài công tiếc của. Độ lượng rộng, thời trời cho hưởng phước lớn.

Bài thứ 66. — Giao tiếp với người dưng.

Tiếp đãi người ngoài thời giữ lễ khiêm nhường, giữ lời chắc thiết. Liệu trước rồi sẽ nói; đừng gây gỗ mà méch lòng người.

Bài thứ 67. — Nhon với tôi-tớ.

Phải có nhon và rộng lượng với tôi đòi, chẳng nên khắc-khờ hành-hà chấp nhứt, vì chúng nó đại khờ, mình phải dạy bảo.

Bài thứ 68. — Ở tin thiệt với bằng-hữu.

Học trò một lớp như con một nhà, ở với bằng-hữu tin thiệt nhớ lời, giúp đỡ, sửa lỗi, đừng gây gỗ giận nhau. Nếu trò nào ngang-tàn xúc phạm mình, thời bằm cho thầy xử.

Bài thứ 69. — Ngay thẳng đừng gian.

Còn nhỏ tập lòng ngay thẳng, chớ khá tham gian, dầu gặp của rơi cũng không lượm, hoặc lấy mà trả cho người chủ làm mất. Chớ gian trá ăn-cắp quen tay, sau sẽ bị tội.

Bài thứ 70. — Lòng từ thiện.

Ở hiền lành có nhơn, thời trời cho phước, đừng ở bất nhơn thất đức. Cứ ăn ngay ở thiệt thời mỗi tạt mỗi lành

Bài thứ 71. — Vệ-sanh

Vệ-sanh là cử-kiêng cho đặng sức khỏe sống lâu, có ba cách : 1° ở sạch-sẽ ; 2° ăn uống có độ lượng ; 3° tập luyện gân cốt cho khí huyết vận chuyển. (theo cách tập lính)

Bài thứ 72. — Sạch-sẽ.

Sạch sẽ nhờ năng tắm giặt, đôi ngày phải tắm một lần. Thường ngày rửa tay, rửa mặt thời có chậu nước, khoát kỳ hai tay cho sạch, nếu tay dơ rờ đầu dơ đó. Ở sạch-sẽ không bịnh không ghê.

Bài thứ 73. — Ăn uống có độ lượng

Ăn món hiền, đừng ăn đồ chua, đồ sống là vật độc, hoặc đồ biển mùi hôi-hám. Ăn vừa no, uống vừa đá thời thôi. Nếu ăn uống no quá, thời tiêu không kịp, no hơi phát ách.

Bài thứ 74. — Tháo luyện gân cốt.

Vật cây-bở để một chỗ không động tới, lâu ngày phải mục. Nước vũng không chảy phải thúi. Thân thể con người không vận chuyển thời huyết chạy chẳng đều, gân cốt phải mỏi. Nên để giờ tháo-luyện cho thêm sức mạnh, **giãn gân cốt, ít sanh tật-bịnh.**

Bài thứ 75. — Cách chào hỏi.

Cách chào phải cúi đầu, đội nón thời giở nón, che dù thời nghiêng dù; đều phải cúi đầu. Đầu trần cúi đầu, hoặc xá. Đầu sau có phước làm quan-lớn đi nữa, nếu gặp thầy thời cũng phải chào hỏi tử-tế, chớ nên xác-xược.

Bài thứ 76. — Cách bận.

Sự bận phải ngay thẳng. áo đừng để nhăn, quần không méo đáy, đội nón bịt khăn cũng ngay thẳng, cứng dưỡng đừng cho vấy dơ. Giày guốc cũng chùi cho sạch. Nực, lạnh, mưa, nắng dụng theo thời.

Bài thứ 77. — Bồn phận.

Phận sự của mình phải lấy làm trọng, giờ nào học theo bài vở nấy, đừng cho trễ-nải. Giữ bồn phận siêng-năng. Nếu không giữ phận sự, ngày sau may thi đỗ, làm việc chẳng bền.

Bài thứ 78. — Thứ tự.

Theo việc đi đứng, có cặp có hàng không dặng so le. Còn thứ tự theo phiên lớp lang, hoặc cất đề có ngăn nắp, không cho lộn lạo. Sắp đặt ngay thẳng rành rẽ tử tế.

Bài thứ 79. — Lòng tốt.

Lòng tốt là thương người như thương mình, không làm hiềm làm ngật, không ganh ghét kẻ vạch; không nói sự xấu của người. Thuật gương tốt ngợi khen cho kẻ khác bắt-chước. Không tham của lờng công.

Bài thứ 80. — Lương tâm.

Lương-tâm biết sự phải mà làm, sự quấy mà thẹn, là tánh linh của trời phú. Việc chi trái lẽ, lương-tâm cảm thời đừng làm. Nếu lầm lỡ thời chừa cải, ăn-năn không phạm nữa.

Bài thứ 81. — Can đảm.

Con người phải có gan dạ, sự chi lầm lỗi đừng chối, chớ
đồ-thừa cho người, phải có gan mà chịu. Dầu hoạn-nạn cũng
vững lòng bền chí mà chịu cho qua thời, chớ túng-cùng mà
biến ra sự quấy. Binh vực kẻ yếu, can không dặng thời báo
quan.

Bài thứ 82. — Cứu giúp.

Gặp kẻ té thời đỡ, hoặc đủ sức cứu kẻ té sông. Dìu dắt
kẻ già con-trẻ. **Hãy cứu người thời trời cho phước.**

Bài thứ 83. — Suy xét.

Sự **chí** mình chẳng muốn, thời chớ đề cho người chịu, là
biết **suy xét**. Ví dụ : mình không muốn ai ngạo, lẽ nào ngạo
người ? Mình không muốn ai lấy của, lẽ nào lấy của người ?
vân vân.

Bài thứ 84. — Có ý-tứ.

Con người phải có ý-tứ, đừng lộn hồn không cố mà hư hại.
Phải vững lòng định trí kiên dè, thời khỏi khốn khổ !

Bài thứ 85. — Sự vô-ý bị hại.

Sự vô-ý hay bị rủi, nhỏ thời tổn tiền, lớn thời bỏ mạng.
cũng vì lật-đật mà ra, như đồ bể, té sông, xe cán !

Bài thứ 86. — Nói láo là xấu.

Sự nói láo là xấu hơn hết, dầu sau nói thiệt cũng chẳng ai
tin, người chí thân cũng không tin nữa ! Thiên hạ đều khinh !

Bài thứ 87. — Nhẫn nhục.

Sự **nhịn thua** thời có đức hạnh, khỏi tai họa, khỏi gây thù
oán. Lời tục nói : « *Một câu nhịn, chín câu lành* ». No hết
ngon, giận hết khôn. **Gây tụng** thời tổn hao. **Đánh lộn** bị tù tội !

Bài thứ 88. — Đừng nói tục-tỉu.

Người tử-tế mà nói thô-tục, thiên-hạ đều dề-người. Chưởi thề là tiếng tục-tỉu ! Học trò đừng nói tục nói tráy.

Bài thứ 89. — Cấm kiêu-ngạo.

Đức thánh Không-Tử nói : « Ai tài trí bằng ông Thánh Châu-Công đi nữa, mà có tánh kiêu ngạo ; thời cũng hư ! » Kiêu ngạo ai cũng ghét !

Bài thứ 90. — Chơn-chất, chớ khoe mình.

Chơn chất thiệt thà rất tốt. Khoe mình là thói xấu xa, mình hay giỏi thời mình nhờ, chẳng nên xác-xược. Mình giàu sang thời mình hưởng, chớ khá khoe khoan. Thà dề người khen mới quý.

Bài thứ 91. — Đừng làm mặt.

Việc nào cũng quý tại thiệt tình, chẳng nên làm mặt ngoài đây đưa mà lòng khinh dể. Dạ trước mặt mà khi sức sau lưng !

Bài thứ 92. — Nói hành.

Nói hành là nói lén người ta, ấy là nhát gan, chúng chê thèo lẻo, đôi chối kiện-thừa. Chẳng nên nói sự xấu của người.

Bài thứ 93. — Chẳng nên lường gạt.

Sự lường gạt là điểm-dàng xấu lắm ! Bất luận lường công lường của, đều bị người chê, trời phạt. Cũng đừng kiếm chuyện gạt người

Bài thứ 94. — Hại thãm thời mắc họa.

Sự gì phải quấy nói minh bạch. Đừng làm kẻ hại thãm hại lén như chó cắn trộm, đã xấu mà độc ác, sẽ bị trời hại.

Bài thứ 95. — Cẩn mẫn.

Siêng là cội rễ giàu sang : siêng học thời làm quan, siêng làm thời ra của. Tới dạ mà siêng học, lâu năm thi cũng đỗ.

Bài thứ 96. — Tiết kiệm.

Tiếc của là cội rễ làm giàu. Làm giỏi mà xài to, thời phải hết ! Chuyện chi phải nghĩa thời đừng tiếc của, còn sự thường dùng, phải tiết kiệm lo hậu. Song đừng hà tiện trái lẽ : không dám ăn mặc, đau không uống thuốc, là kẻ rít-róng !

Bài thứ 97. — Cứu giúp kẻ khó-khăn tàn-tật (bố thí).

Kẻ nghèo nàn tàn tật đáng thương, chớ chê cười khinh khi, mà trời trả quả. Tùy sức bố thí thời trời thêm phước.

Bài thứ 98. — Phải yêu kính viên-quan Langsa.

Phải yêu kính các viên-quan Lang-sa với các viên chức Annam, phải biết ơn người, lo lập trường cứu giúp các con-trẻ.

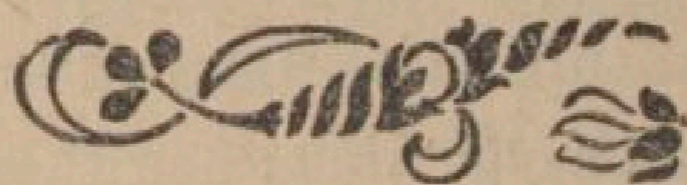
Bài thứ 99. — Thanh-liêm thời dặng công-bình.

Còn nỗ tập tánh không tham, sau may dặng chức phận, sẵn đức thanh-liêm, thời dặng chánh trực. Không tư vị mới được công-bình.

Bài thứ 100. — Bãi trường.

Rất đổi thứ năm. chúa nhật, ngày lễ, không chơi cứ lo học còn tấn-ích thay. Huống chi hai lệ bãi-trường nhiều ngày giờ, nếu học ôn bài cũ, suy ra bài mới, thời giới gia bội. Trò nào quyết thi đỗ, thời rán mà học ôn.

SĨ HỮU BÁ HẠNH CHUNG



Imprimerie de l'Union

NGUYỄN-VĂN-CỬA

SAIGON - 157, Rue Catinat, 157 - SAIGON

Sách Minh-Tâm Bưu-Giám,

PAR

Pétrus TRƯƠNG-VĨNH-KÝ.

Sách **MINH-TÂM BƯU-GIÁM**, cuốn nhứt và cuốn nhì, mới xuất bản. quý vị muốn mua xem, xin gởi thơ cho **M. NGUYỄN-VĂN-CỬA**. *Imprimerie de l'Union, 157, rue Catinat, Saigon.*

Giá mỗi cuốn :

Cuốn nhứt.....	1 \$ 00
Cuốn nhì.	1 00
Phụ thêm tiền gởi mỗi cuốn.....	0 20

Sách Khuyến-Si-Ca.

Quyển này của ông Lê-trung-Thu soạn, mới in lại lần thứ ba, có hội-đồng khảo duyệt nhận dụng theo lời ngị ngày 1^{er} Mai 1922, in ra hai lần trước bán hết. Là một quyển dạy về phong hóa lễ nghi, rất có ích cho mấy vị giáo viên và cho trẻ em mới khởi bước đầu trong đường học vấn.

Giá mỗi cuốn 0 \$ 25

Sách Tứ-Thơ

Đang in.

IMPRIMERIE DE L'UNION

NGUYỄN-VĂN-CỬA

157, rue Catinat. — SAIGON

Bán đủ các thứ giấy, viết, mực, bao thơ, ngòi viết, thước gạch, viết chì đen, đỏ, xanh, keo, bình mực, giá viết, dao cạo chữ, kéo, gomme, chuông kêu boy, vân, vân.

Có in đủ các thứ sách, thơ, tuồng, truyện bằng chữ Lang-sa, Quốc-ngữ và chữ Tàu. Hoặc Lục-châu chữ Quân-tử muốn in số bộ, các lời rao báo, các thứ danh thiếp, thơ, tuồng, truyện, thiếp tang, thiếp đám cưới, vân vân, chúng tôi sẵn lòng hoan nghinh và cảm tạ.

Có in danh thiếp có bông hoa nhiều màu sắc xinh đẹp (*Cartes de visites à fleurs*).

Có bán đủ thứ tràng hoa (*Couronnes mortuaires*) bằng sành và bằng gốm.

Các viên quan khi được thưởng mê-day (*Médailles*) thì xin đến tại IMPRIMERIE DE L'UNION hay là viết thơ mà mua đủ thứ mê-day: *Croix de la Légion d'honneur*. — *Palmes académiques*. — *Mérite agricole*. — *Ordre Royal du Cambodge*. — *Ordre Impérial du Dragon d'Annam*. — *Palmes du Muni Saraphon*. — *Médailles de Sisowath 1^{er}* (*Cambodge*).

Tirage 2000 Exemplaires
Saigon Le 13 - 11 - 1902

[Signature]